

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT

SỬ VIỆT

Nguyễn Hữu Cảnh

Vị tướng dẹp yên nước
láng giềng, mở ra vùng
đất Phương Nam

MINH BẢO

Nguyễn Hữu Cảnh (chữ Hán: 阮有鏡, 1650–1700) sinh tại thôn Phước Long, xã Chương Tín, huyện Phong Lộc (nay là xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình). Ông là con thứ ba của danh tướng Nguyễn Hữu Dật, là cháu 9 đời của Nguyễn Trãi, tên đúng ra là Nguyễn Hữu Kính. Ông làm quan đến tước Lê Thành Hầu (禮成侯), sau này thời Minh Mạng lại được triều đình truy phong tước Vĩnh An Hầu (永安侯), là một danh tướng thời chúa Nguyễn Phúc Chu.

Tướng Nguyễn Hữu Cảnh đã dùng tài năng và đức độ của mình để mở mang bờ cõi, đem đến cho Đại Việt mảnh đất phương Nam vô cùng xinh đẹp này.

Lần đầu bình định Champa, mở ra trấn Thuận Thành

Champa là một vương quốc từng rất hùng mạnh nằm án ngữ toàn bộ miền Trung Việt Nam thời xưa. Họ đã nổi lên như một thế lực đáng kể trong khu vực khi đã từng đánh ra tận Thăng Long của nhà Trần và quyết chiến hàng trăm năm với đế quốc Khmer hùng mạnh phía Nam.

Khởi đầu từ nhà Trần, cho đến cao điểm vào thời Lê Thánh Tông, Champa ngày một thu nhỏ qua những lần bại trận. Đến thời các chúa Nguyễn thì lãnh thổ Champa chỉ còn kéo dài đến Bình Thuận, nhưng một lần nữa họ lại bại trận và bị sáp nhập lãnh thổ. Người

Tiếp theo trang 4

Tượng Nguyễn Hữu Cảnh
tại Biên Hòa.
(Epoch Times minh họa)



NGHỆ THUẬT PHỤC HƯNG

“Thiên Thần báo hỷ”: Nguồn cảm hứng dồi dào cho những họa sĩ bậc thầy thời Phục Hưng

MẶC TÂM

Chúa Jesus giáng sinh chốn nhân gian là sự kiện lớn trong lịch sử nhân loại, và là việc được trời cao an bài. Kinh Tân Ước có nói đến sự an bài này qua câu chuyện “Thiên Thần báo hỷ”, câu chuyện cũng là cảm hứng sáng tác của các họa sĩ bậc thầy thời Phục Hưng.

Rất ít người biết rõ về tiểu sử của Đức Mẹ Maria. Trong “Tân

Ước” cũng chỉ ghi chép lại rất ít, hầu như người ta chỉ đọc được những điều liên quan tới bà trong những câu chuyện kể về “Thiên Thần báo hỷ” hay “Chúa Jesus giáng sinh”.

Chuyện kể rằng, Maria sống cùng cha mẹ của mình là Gioakim và Anna tại Nazareth, xứ Galilea. Lúc Maria ba tuổi, bà được đưa tới tham dự nghi thức tại Thần điện Jerusalem; khi đó



Bức “Lễ truyền tin” của danh họa Leonardo Da Vinci (khoảng những năm 1472-1473).

bà đã tự mình trèo qua những bậc thang rất dài và đến đứng trước đại tế tự. Lớn lên, Maria được hứa hôn với Yuse, và trong khi bà còn chưa làm lễ cưới, Thượng Đế phái thiên sứ Gabriel xuống báo hỷ cho

Maria rằng bà được chọn làm Thánh nữ; bà đang mang thai và tương lai sẽ hạ sinh một đứa bé trai; hãy đặt tên cho bé là Jesus. Maria đáp rằng: “Tôi

Tiếp theo trang 10



Dùng cái tâm nhân nghĩa để đối xử với nhau, như thế mà vẫn không khiến thiên hạ quy phục thì cũng chưa từng có. (Hinh minh họa)

Trị quốc bằng hình phạt, luật pháp hay nhân nghĩa?

TRUNG HÒA

Một quốc gia có thịnh vượng yên ổn lâu dài hay không chỉ cần xem cách thức những người đứng đầu quốc gia đó áp dụng. Thế giới hiện nay phổ biến tình trạng loạn lạc và tranh giành lợi ích bởi vì “Thượng bất chính, hạ tác loạn”.

Mạnh Tử nói: “Người quân tử khác với người bình thường ở chỗ những suy nghĩ trong tâm họ khác nhau. Những suy nghĩ trong tâm người quân tử là Nhân, là Lễ, Đạo mà họ học là để khiến cho tất cả quy về Lễ Trời.”

Mạnh Tử cho rằng, làm người thì điều quan trọng nhất là phải “hiếu thiện”; quản lý quốc gia cũng như vậy, cần phải lắng nghe và tiếp thu ý kiến của mọi người, chọn điều tốt, việc thiện mà theo. Thế nên thích nghe điều thiện ở đây là chỉ những lời trung ngôn phù hợp với đạo nghĩa của Trời Đất, có lợi cho người dân và cho quốc gia.

Tương truyền, nước Lô dự định để Nhạc Chính Tử quản lý chính sự quốc gia, Mạnh Tử nghe tin này thì rất vui mừng.

Học trò của Mạnh Tử là Công Tôn Sửu hỏi: “Thưa thầy, Nhạc Chính Tử có nhiều kinh nghiệm không?”

Mạnh Tử nói: “Không.”

Công Tôn Sửu lại hỏi: “Vậy tại sao thầy lại vui mừng?”

Mạnh Tử nói: “Nhạc Chính Tử là người thích lắng nghe những lời thiện, hơn nữa làm việc gì cũng gắng hết sức làm hết chức trách.”

Công Tôn Sửu hỏi tiếp: “Những điều này là đủ rồi sao?”

Mạnh Tử nói: “Dựa vào những điều này là có thể quản lý trị sửa cả thiên hạ nữa là nước Lô. Nếu thích lắng nghe lời thiện thì sẽ nguyên ý kết giao với người thiện, thế thì thiên nhân không có đất dụng võ nữa. Nếu không thích lắng nghe những lời thiện, thế thì những người chân chính có tri thức, tài năng sẽ bị đẩy ra xa, mà những kẻ bẻm mép a dua nịnh hót sẽ đua nhau tìm đến, xung quanh đều là những kẻ tiểu nhân này, muốn quản lý trị sửa tốt quốc gia thì sao có thể làm nổi? Người làm quan cần phải dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công bằng. Nếu không thể dốc sức làm hết trách nhiệm, chức

phận, thế thì là làm quan gì vậy?”

Đoạn đối thoại của hai thầy trò này đã cho thấy, người quân tử thì bất kỳ lúc nào cũng phải giữ được chính khí, hiếu đại thể, rõ đại nghĩa, coi việc theo thiện, tuyên dương thiện là trách nhiệm bản thân.

Hai nước Tấn, Sở chuẩn bị giao chiến, Tống Khanh chuẩn bị đến hai nước khuyên bãi binh thì gặp Mạnh Tử.

Mạnh Tử hỏi: “Ngài chuẩn bị khuyên họ như thế nào?”

Tống Khanh nói: “Tôi sẽ nói với họ rằng giao chiến là không có lợi.”

Mạnh Tử nói: “Động cơ của tiên sinh rất tốt, nhưng cách đặt vấn đề của tiên sinh thì không được tốt. Ngài dùng lợi để khuyên Tấn vương, Sở vương; Tấn vương, Sở vương vì có lợi mà vui mừng, thế là sẽ vui về bãi binh. Tướng sĩ quân đội vì có lợi mà vui mừng, thế là sẽ vui lòng bãi binh. Làm kẻ bề tôi, thờ phụng quân chủ bằng cái tâm suy xét quan hệ lợi hại, làm con, thờ phụng cha mẹ bằng cái tâm suy xét quan hệ lợi hại, như thế sẽ khiến giữa vua tôi, giữa cha con sẽ mất đi nhân nghĩa. Dùng cái tâm suy xét quan hệ lợi hại để đối xử với nhau mà không làm cho quốc gia bị diệt vong thì chưa từng có.”

“Nếu tiên sinh dùng đạo lý nhân nghĩa để khuyên Tấn vương và Sở vương; Tấn vương và Sở vương sẽ vì nhân nghĩa mà dừng hành động quân sự. Tướng sĩ quân đội cũng sẽ vì nhân nghĩa mà vui lòng bãi binh. Làm bề tôi, dùng cái tâm nhân nghĩa để thờ phụng mẹ cha; như thế sẽ khiến giữa vua tôi, cha con sẽ bỏ cái tâm cân nhắc lợi hại mà dùng cái tâm nhân nghĩa để đối xử với nhau. Như thế mà vẫn không khiến thiên hạ quy phục thì cũng chưa từng có. Vì vậy, chỉ nói nhân nghĩa là được rồi, việc gì phải nói đến lợi ích?”

Tống Khanh gật đầu khen phải.

Mạnh Tử nói tiếp: “Cần phải để họ thực sự nhận thức được nhân là vinh quang, bất nhân là sỉ nhục. Nói nơi đâu coi nhân đức là tôn quý. Nếu chỉ coi trọng danh lợi, thì đó là tự tìm tai họa. Tai họa và hạnh phúc đều do tự mình tìm đến.”

Mạnh Tử khuyên Tống Khanh không nên dùng cái lợi để thuyết phục quốc quân hai nước Tấn, Sở,



Tranh vẽ triết gia Mạnh Tử.

Giáo hóa quan lại và người dân gây dựng quan niệm tư tưởng đạo nghĩa là trên hết.

mà nên dùng nhân nghĩa để thuyết phục họ bãi binh. Bởi vì hòa bình dựa trên cơ sở nhân nghĩa sẽ khiến giữa người với người đều dùng quan niệm đạo đức đối xử với nhau, không có xung đột vì lợi ích, người người đều trung thực, thành tín, khiêm tốn, nhường nhịn nhau, ai nấy đều nhân ái, chính nghĩa, thiên hạ mới có thể thịnh trị và yên ổn lâu dài được.

Mạnh Tử cho rằng, người quân tử ắt theo đuổi những gì phù hợp với đạo nghĩa, coi trọng đạo đức Thánh hiền, nhân ái với mọi người, coi thường quyền thế lợi lộc, đục vọng, giáo hóa quan lại và người dân gây dựng quan niệm tư tưởng đạo nghĩa là trên hết, trọng nghĩa khinh tài, khiến đạo đức đi vào nhân tâm, dùng phẩm cách chính phái, nhân cách đạo đức để cảm hóa người khác và vạn vật, khơi gợi thiện niệm trong tâm con người, để mọi người quy về chính Đạo. Đó mới là ý nghĩa và giá trị chân chính của Thiện.

Cổ phong mỹ đức: Đạo hiếu

TRÚC LÂM

“Nhân sinh bách hạnh hiếu vi tiên”...

Trong trăm đức hạnh, chữ hiếu đứng đầu. Đạo hiếu đã trở thành phẩm hạnh cốt lõi làm người từ xưa tới nay. Người biết hiếu thuận ắt được người đời kính trọng, trời đất bảo hộ. Từ bậc quân vương quân thần đến nhân dân trăm họ, đã lưu truyền rất nhiều câu chuyện về lòng hiếu thảo, để ngày nay một lần nữa không chỉ con dân đất Việt, mà đối với thế hệ con cháu nơi nơi cũng cảm thấy tự hào; từ đó soi xét bản thân, tu dưỡng đạo đức, trở thành người có ích cho xã hội.

Hiếu thuận dưỡng thành người tài đức
“*Khi thiêng sông núi hun đúc người tài*
Mệ hiền nhân từ sinh con đức hạnh”.

‘Đại Việt Sử Ký Toàn Thư’ có chép câu chuyện vua Lê Thánh Tông hiếu thảo với đức Hoàng thái hậu Ngọc Dao nói tiếng một thời. Tăm bia ở làng Hoàng Thái Hậu đặt tại Lam Kinh, tỉnh Thanh Hoá có ghi rằng:

Hoàng thái hậu khi sinh ra đã là người đồn hậu, cần kiệm không xa hoa, việc nữ công không lúc nào rời, việc măm muối nơi bếp núc lại càng quan tâm. Giản dị, trang nhã mà lễ độ, kính trọng tông miếu, phụng thờ Thần linh. Đặc biệt khác với người thường, bà tuổi cao mà tóc không bạc, răng không rụng, mắt không mờ, nhan sắc không giảm sút. Bà ở nơi giàu sang nhưng hay làm việc thiện, vậy nên tuổi tác tuy cao mà tinh thần lại sáng suốt. Khi ngọc thể bất an, nằm nơi giường bệnh hơn một tháng nhưng không một lời than.



Tượng vua Lê Thánh Tông (minh họa từ public domain).



Chân dung vua Tự Đức.

Tâm lòng hiếu thảo của vua Lê Thánh Tông là tấm gương sáng cho con cháu đời sau noi theo.

Vua Lê Thánh Tông nhờ ơn bà sinh thành, dưỡng dục mà trở thành một vị vua lỗi lạc, đức hạnh, nắm giữ triều chính khi mới 19 tuổi. Suốt thời gian Hoàng thái hậu Ngọc Dao bị ốm, vua Lê Thánh Tông cùng Hoàng thái tử ngày đêm chăm sóc, không lúc nào rời bên. Khi dâng thuốc hay đồ ăn, vua nhất định tự mình thử trước; trong thì kêu với tổ tiên, ngoài thì cầu khẩn không thiếu nơi nào. Khi bà sắp ra đi, vua kêu gào tên mình mà gọi, Hoàng thái hậu nhếch mép một chút, muốn nói lời từ giã. Khi chịu tang bà, người trong cung bỏ trang sức, mặc đồ tang, ăn cơm rau, cài trâm gỗ... không khác gì thường dân.

Tăm lòng hiếu thảo của vua Lê Thánh Tông là tấm gương sáng cho con cháu đời sau noi theo.

Một câu chuyện khác về bậc quân vương cũng hết sức tận hiếu, nghe lời mẹ, đó là tích: “Tự Đức dâng roi”, (câu chuyện sau này còn được hậu thế chuyển thành vở cải lương).

‘Việt Nam Sử Lược’ chép lại, vua Tự Đức sẵn sàng đưa roi lên cho mẹ để chịu đòn mỗi khi mắc lỗi. Lên ngôi

năm 18 tuổi, trị vì đất nước 36 năm, vua Tự Đức rất coi trọng bốn phận làm con với mẹ là Thái hậu Từ Dũ. Những điều mẹ dạy, ông đều cẩn thận ghi lại vào “TìrHuân Lục”.

Trong bộ ‘Đại Nam liệt truyện’ viết: “Đức vua phụng sự mẹ chí hiếu lắm. Bà thường muốn nghe đọc sách sử, vua thuận theo ý bà. Chẳng có khi nào dám trái ngược, chừng nào mẹ hết muốn nghe, bảo thôi đọc thì nhà vua mới thôi. Chẳng những việc đọc sách sử mà bất cứ chuyện gì, nhà vua cũng nhất nhất nghe theo ý mẹ”. Trong Đại Nam liệt truyện có chép lại việc, vua Tự Đức một lần đi săn tại rừng Thuận Trực gặp phải lũ lụt không kịp về giỗ vua cha Thiệu Trị. Biết mình đã phải tội, về đến hoàng cung ông liền lên kiệu đến thẳng cung Diên Thọ nơi Hoàng thái hậu ở để xin chịu tội mặc dù trời đang đổ mưa. Ông dâng chiếc roi mây đặt trong mâm son, để trên ghế rồi nằm xuống chịu đòn. Đức Từ Dụ ngồi quay mặt vào màn một hồi lâu không nói lời nào, sau mới lấy tay hát chiếc roi đi. Tuy không phạt roi nhưng Hoàng thái hậu cần dặn nhà vua phải ban thưởng cho quan quân cực khổ đi hầu ngự, rồi sáng hôm sau vào hầu lay. Lúc đó, vua Tự Đức mới đứng dậy, lay tay lui về.

Bà từng răn dạy vua Tự Đức: “Biết lỗi với ta chỉ là phụ, biết lỗi với dân mới là chính”. Nghe lời dạy bảo của bà, Tự Đức không chỉ là vị vua hiếu thảo

mà còn là một vị vua anh minh. Trong hàng ngàn những câu chuyện về đạo hiếu trên đất Việt xưa, hai câu chuyện trên đã phần nào làm tăng thêm lòng tự hào của những người con đất Việt.

Con dâu hiếu thuận chăm sóc mẹ ốm, tránh được nạn hoả hoạn

Vào năm vua Càn Long triều Thanh, tại đường Trúc Gia ở Bắc Kinh xảy ra vụ hỏa hoạn, thiêu rụi hơn trăm nhà, số người chết đếm không xuê, khắp nơi là tiếng kêu khóc, tình cảnh thật thảm thương khôn khó, tất sản mất nhiều không thể tính. Nhưng trong vụ đại hoả hoạn ấy phát hiện ra một kỳ tích, ngay trong đống đổ nát đó lại có một căn nhà bị vỡ đứng trơ trọc không bị lửa thiêu cháy.

Tương truyền trong ngôi nhà đó chỉ có một bà cụ đã hơn 60 tuổi cùng con dâu góa phụ hơn 20 tuổi ở cùng nhau. Vì con trai bà chết sớm vài năm trước đó, nên nhiều người làng lân cận đã đến mai mối cho cô, khuyên người con dâu tái giá. Góa phụ này đều từ chối, vì mẹ chồng bệnh lâu không khỏi, chỉ nằm trên giường, cần cô ngày đêm chăm sóc thuốc thang, bởi thế cô nguyện ý thanh xuân cô độc, kiên quyết không muốn tái giá. Năm này qua năm khác, cô tận tâm nhân nại chăm sóc mẹ chồng không lời than phiền. Trong đợt đại hoả hoạn này, khi ngọn lửa hừng hực cháy tới những căn nhà gần họ, đột nhiên gió thổi chuyển hướng, vì vậy lửa không chạm tới nhà của hai mẹ con cô. Những người ở đó cho rằng là vì người con dâu hiếu thuận chăm sóc mẹ bệnh mà cảm động Bồ Tát, nên Bồ Tát đã bảo hộ hai mẹ con họ không bị lửa thiêu cháy.

(Trích từ: ‘Loan dương tiếu hạ lục’).

Hai câu chuyện trên cho ta thấy được lòng hiếu thảo có thể cảm động trời xanh, từ đó đắc phúc báo, không chỉ nơi tự thân, mà gia quyền cũng được hưởng lợi. Chữ “Hiếu” kỳ thực là sợi dây ràng buộc nơi con người. Cha mẹ nuôi dưỡng con cái vất vả; cha mẹ vì con mà hao tâm tốn sức cả đời. Con cái trưởng thành theo lẽ tự nhiên nên báo đáp ơn phụ dưỡng của cha mẹ.

đương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác!” Người đó van xin mãi mới tha cho. Từ đó không ai dám đến thăm Thủ Độ vì việc riêng nữa.

Công tư phân minh, rạch ròi giữa nước và nhà

Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm Tế tướng, Thủ Độ tâu rằng: “An Quốc là anh thân, nếu cho là giỏi hơn thân thì thân xin trí sí, còn nếu cho thân giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm Tế tướng cả thì việc triều đình sẽ ra sao?” Vua bèn thôi. Thủ Độ tuy làm Tế tướng nhưng mọi việc đều để ý chu tất, vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc mất.

Lời bàn: Quyền lực là một thứ mê hoặc và là con dao hai lưỡi, nó có thể đem lại thành công nhưng cũng có thể đẩy người ta xuống vực. Thái Thủ Độ là một tấm gương như thế. Ông không những đã hoàn thành xuất sắc vai trò người đáp nên cho nhà Trần sau này mà còn rất sáng suốt khi ở đỉnh cao quyền lực, ngay cả tình cảm vợ chồng và thân tộc cũng không mấy may làm ảnh hưởng sự anh minh của mình. Dẫu rằng nhiều lời khen chê cách cai trị và hành xử của ông, nhưng xét trên phương diện công trạng đối với quốc gia và thi hành chính trị gương mẫu thì Trần Thủ Độ có thể coi là một bậc chính nhân quân tử cảm quyền vậy.

SỬ VIỆT

Những câu chuyện về tấm gương công thần của Trần Thủ Độ

MINH BẢO

Trung Vũ Đại Vương Trần Thủ Độ (1194-1264) là quyền thần số một của nước ta thời nhà Trần; sinh thời ông tàn nhẫn quyết đoán và mưu lược nên để lại nhiều ý kiến khen chê khác nhau từ xưa đến nay.

Khi quân Nguyên xâm lăng Đại Việt lần thứ nhất vào năm 1257, do thế giặc mạnh, vua Trần Thái Tông phải lui quân. Nhà vua ngự thuyền đến hỏi Trần Thủ Độ về kế sách chống quân Nguyên, Thủ Độ tâu: “Đầu thần chưa rơi xuống đất , bệ hạ đừng lo gì khác”. Một bảy tối khí phách như thế, ắt phải là người minh chính và có đức độ làm quan.

Quyền át cả vua

Trần Thủ Độ tuy không đạt khoa cử nhưng mưu lược hơn người, không chỉ là quyền thần nhà Trần mà là quyền thần của ngay cả nhà Lý, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn. Đại Việt Sử Ký toàn thư có chép, Trần Thái Tông lấy được thiên hạ đều nhờ vào mưu sức của ông cả; vì thế, ông được nhà nước đưa cây, quyền át cả vua. Bây giờ có kẻ dăn hặc ông, vào gặp Thủ Tông, khốc mà nói rằng: “Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ thì quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao?” Thái Tông lập tức lệnh xe ngự đến dinh Thủ Độ,

bắt cả người dăn hặc ấy đem theo và kể hết những lời người ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời rằng: “Quả có đúng như những lời hăn nói thật.” Xong, đem tiễn lựa mà thưởng cho.

Nghiêm giữ quốc pháp

Linh Từ quốc mẫu, vợ Trần Thủ Độ, có lần ngồi kiệu đi qua thêm cấm, bị quân hiệu ngăn lại, về dinh khóc kể với Thủ Độ rằng: “Mụ này làm vợ ông mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế ư?”

Thủ Độ tức giận liên sai người đi bắt người quân hiệu kia. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chác là phải chết. Đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt Linh Từ, người quân hiệu ấy cứ theo sự thực mà trả lời. Thủ Độ nói: “Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì được nữa.” Nói xong, đem vàng lựa thưởng cho.

Không vì tình riêng mà bố trí quan lại

Có lần Thủ Độ đi duyệt định hộ khẩu, bà Quốc Mẫu xin riêng cho một người được làm chức Cầu đương, Thủ Độ gạt đầu rồi ghi rõ họ tên quê quán người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, liền hỏi tên họ ở đâu, người đó mừng rỡ chạy đến. Thủ Độ bảo hán: “Người vì có Công chúa xin cho được làm Cầu đương, không thể vì như những Cầu



Khoảng cách giữa trung thân và loạn thân cũng chỉ cách nhau có một đường tơ. Muốn giữ vững thành công lâu dài thì phải không chê được đục vọng của cá nhân. (Hình minh họa từ cuốn ‘Quốc văn Giáo khoa thư’).

Trần Thủ Độ tuy không đỗ đạt khoa cử nhưng mưu lược hơn người, không chỉ là quyền thần nhà Trần mà là quyền thần của ngay cả nhà Lý, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn.

SỬ VIỆT

Vị tướng đẹp yên nước láng giềng, mở ra vùng đất Phương Nam

Tiếp theo từ *trang 1*

thực hiện điều này là Nguyễn Hữu Cảnh, một vị tướng trẻ tài năng của quân đội Chúa Nguyễn. Sách *Đại Nam Thực lục - Tiền biên - quyển VII* có ghi chép:

“Mùa thu, tháng 8, vua nước Chiêm Thành là Bà Tranh làm phản, họp quân đắp lũy, cướp giết cư dân ở phủ Diên Ninh. Đinh Bình Khang đem việc báo lên. Chúa sai Cai cơ Nguyễn Hữu Kính (con Nguyễn Hữu Dật bấy giờ gọi là Lê tài hầu; chữ Tài, có chỗ viết là Thành, lại là Hòa) làm Thông binh, lấy văn chức Nguyễn Đình Quang làm Tham mưu suất lĩnh quân Chính dinh, cùng quân Quảng Nam và Bình Khang đi đánh.

Mùa đông, tháng 12, lấy Lê Hoàng Giăng và Nguyễn Khoa Chiêm làm thủ hợp Chính dinh.

Quý Dậu, năm thứ 2 [1693], mùa xuân, tháng Giêng, quân Thông binh Nguyễn Hữu Kính đánh bại Chiêm Thành, Bà Tranh bỏ thành chạy.

Tháng 3, Nguyễn Hữu Kính bắt được Bà Tranh và bảy tôi là Tả tra viên Kế Bà Tử với thân thuộc là Bà Ân đem về. Chúa sai đôi nước ấy làm trấn Thuận Thành”.

Sau chiến công này, chúa Nguyễn lần đầu tiên xưng Quốc chúa, từ thời điểm đó chính thức coi mình là quốc vương một nước quốc độc lập là Đàng Trong:

“Ngày Ất Mão, chúa coi việc châu (việc quốc hiệu đã xong rồi làm lễ mừng), bảy tôi đến mừng, tán tôn chúa làm Thái phó quốc công, lại dâng tôn hiệu là quốc chúa. Từ đây sắc lệnh đều xưng là quốc chúa.

Mùa thu, tháng 7, Nguyễn Hữu Kính đến cửa khuyết dâng chiến tù Chiêm là bọn Bà Tranh. Chúa sai kế tội và giam ở núi Ngọc Trản, hàng tháng cấp cho tiến gạo vài lụạ đủ dùng. Sai Cai đội Nguyễn Trí Thắng giữ Phố Hải, Cai cơ Nguyễn Tân Lê giữ Phan Rí, Cai đội Chu Kiêm Thắng giữ Phan Rang (Phố Hải, Phan Rí, Phan Rang, nay đều thuộc Bình Thuận) để phòng dư đảng của Thuận Thành.

Sai sửa công phủ, những điểm quân ở các cửa trong ngoài phủ bắt

đầu lợn nướng.

Tháng 8, đổi trấn Thuận Thành làm phủ Bình Thuận, lấy Tả tra viên Kế Bà Tử làm Khâm lý, ba người con Bà Ân làm Đề đốc, Đề lãnh và Cai phủ, bắt mặc quần áo theo lối người kinh và sai về để vỗ yên lòng dân”. (*Đại Nam Thực lục - Tiền biên-quyển VII*).

Lần thứ hai bình định Champa, Hữu Cảnh lập đại công

Vốn là một dân tộc thượng võ và quật cường, người Champa không chịu để dâng khuất phục như thế. Họ nhân cơ hội nhà Chúa chưa ổn định nên cai trị để quật khởi lần nữa. Lần quật khởi này cũng gây khá nhiều thiệt hại, giết mất nhiều tướng lãnh cao cấp của chúa Nguyễn.

Đại Nam Thực lục- Tiền biên - quyển VII chép:

“Mùa đông, tháng 10, ngày Đinh Sửu, hai mặt trời cùng mọc.

Tháng 12, người Thanh là A Ban cùng với Hữu tra viên là Ốc Nha Thất ở Thuận Thành nổi loạn. Trước là A Ban đến ở Thuận Thành, vốn cùng Ốc Nha Thất đi lại rất thân. Từ lúc Bà Tranh bị bắt, hai người đều chạy về đất Đại Đổng, A Ban đổi tên là Ngô Lăng tự xưng mình có phép hô phong hoán vũ, gươm đao không thể làm bị thương. Người Thuận Thành là Chế Vinh kêu họp dân man di theo. Đến bảy giờ đem đó dâng cướp Phố Hải. Cai đội Nguyễn Trí Thắng đem quân chống đánh.

A Ban giã đồ thua, Trí Thắng đuổi theo bị phục binh giết chết. Cai đội đình Bà Rịa tên là Dực và thư ký là Mai đem quân đến cứu viện, đều chết cả. A Ban bèn vào Phan Rí, lo rằng cai cơ Nguyễn Tân Lê sức mạnh, mình không chống nổi, bèn sai con gái người dân Thuận Thành bỏ thuốc độc vào quả chuối cho Tân Lê ăn. Tân Lê bị cấm. A Ban lại tung nhiều tiền bạc để ngầm kết với quân Tân Lê làm nội ứng. Đến khi đánh, Tân Lê bị bọn phản binh đâm chết, dinh trại của cai bị đốt và cướp gần hết. A Ban lại kéo quân đến Phan Rang. Cai đội Chu Kiêm Thắng vì quân ít không ra, đóng cửa thành tự thủ. Gặp Khâm lý Kế Bà Tử vừa đến, Kiêm Thắng bắt trốn ở ngoài cửa



Tượng Nguyễn Hữu Cảnh tại dinh Nguyễn Hữu Cảnh, thuộc xã Kiến An, Chợ Mới, An Giang .

CC BY-SA 3.0

Nguyễn Hữu Cảnh sinh ra trong một dòng họ danh giá, về vang nhất khi có nhiều đời từ ông đến con cháu đều làm quan đến hàng khai quốc công thần.



Vùng lãnh thổ của vương quốc Champa hùng mạnh một thời, từng khiến nhiều đời vua của Đại Việt e ngại.

CC BY-SA 4.0

thành báo sẽ đem chém. Ốc Nha Thất sợ Kế Bà Tử bị giết, nói với A Ban bỏ vây đi. Kiêm Thắng bèn thả Kế Bà Tử về.”

Không những Champa nổi loạn, mà nhà Chúa còn phải đối phó với chính sự phân loạn tự bên trong con cháu tôn thất:

“Giáp Tuất, năm thứ 3 [1694], mùa xuân, tháng Giêng, Chương cơ là Huệ và Thông (con thứ ba, thứ tư của thiếu sư Tôn Thất Diên) mưu nổi loạn. Chương cơ Tôn Thất Nhuận cùng tiểu sai là Đức Nhân (không rõ họ) đem sự trạng báo lên. Kịp bất giao xuống triều đình tra hỏi, biết hết sự thực. Huệ và Thông cùng 7 người đồng mưu đều bị giết. Thường cho Tôn Thất Nhuận và Đức Nhân thực ấp, tiền bạc, thực phẩm, theo thứ bậc”. (*Đại Nam Thực lục - Tiền biên - quyển VII*)

Lần nổi loạn này khá lớn và đem lại nhiều tổn thất cho quân thần triều đình khi đi dẹp loạn. Nhà chúa Nguyễn đã mất một số tướng lĩnh cao cấp trong thời gian này. Nhưng cũng nhờ vậy mà Nguyễn Hữu Cảnh có cơ hội lập công dẹp giặc và được vinh thăng lên Chương cơ. Cái tên ông Chương của ông bắt đầu có từ lúc này:

“A Ban lại vây Phan Rang. Cai đội Chu Kiêm Thắng báo tin gấp về đình Bình Khang. Trấn thủ Nguyễn Hữu Oai và Lưu thủ Nhuận (không rõ họ) tiến binh theo đường đồ để cứu viện. A Ban bèn lui về Bảo Lạc. Phan Rang được giải vây. Rồi Hữu Oai bị bệnh chết.

Tháng 2, A Ban tiến giữ lũy Ở Liêm. Lưu thủ Mệnh và các cai cơ Tống Tuấn và Nguyễn Thành chia quân giáp đánh. A Ban chạy về Phố Chăm. Quân ta đuổi theo sát. Giặc lại chạy về Thượng Dã (tiếp địa giới Chân Lạp). Nhuận bèn về, đem việc báo lên. Chúa lại ra lệnh cho Cai cơ Nguyễn Hữu Kính, và văn chức Trinh Tường (không rõ họ) tiến nghi xử trí. Cai cơ Nguyễn Thắng Hồ đem quân tiến đánh, dâng giặc dẹp yên.

Thăng Nguyễn Hữu Kính làm Chương cơ, lãnh Trấn thủ dinh Bình Khang”. (*Đại Nam Thực lục- Tiền biên- quyển VII*).

Thuyết định mệnh (Kỳ 1/3): Vạn vật đều có sinh mệnh, vạn sự đều có định số

THÁI NGUYỄN

1. Vạn vật đều có sinh mệnh, vạn sự đều có định số

Thuyết định mệnh là chỉ mỗi sự việc của con người xảy ra trong thế gian như sống chết, họa phúc, giàu nghèo, sang hèn, thông đạt, bế tắc, được mất, thành bại, cho đến thi cử đỗ đạt, kinh doanh lỗ lãi, hôn nhân ly tán vv., đều là chủ định, là do Thần (Thượng Đế, ông Trời) an bài.

Thuyết định mệnh không chỉ là nói đến sinh mệnh con người, mà mở rộng đến hết thảy sự vật trong không gian vũ trụ, đều có an bài trước. Con người có quá trình sinh lão bệnh tử; sự vật có quá trình thành trụ hoại diệt; tất cả đều không phải là ngẫu nhiên mà là do ông Trời đã an bài. Một thời đại, một quốc gia có quá trình sinh ra, trưởng thành, bại hoại và diệt vong. Bởi vậy, những cao nhân giỏi thuật số đều có thể tính toán chính xác thời gian hình thành và hủy hoại của chúng.

Học giả nổi tiếng đời Minh là Vạn Dân Anh chỉ ra rằng, các cao nhân đạo sĩ có kim khảo sát số Trời, suy xét âm dương, dùng Thái Ất số và Kỳ Môn để suy đoán việc hung cát của địa phương, dùng Lục Nhâm và ngày giờ, tháng năm để suy đoán việc hung cát một đời người...; lớn thì đoán biết được sự biến hóa của thiên tượng, vận mệnh quốc gia; nhỏ thì đoán biết được sự hưng thịnh suy vong của gia đình họ tộc, họa phúc cá nhân, cho đến sự thành bại được mất của một sự tình; hung-cát, lấy-bỏ ở một thời không phương vị nào đó, họ đều có thể suy đoán ra. Giả sử không phải do Thần an bài, không phải định số của ông Trời thì làm sao có thể suy đoán trước như vậy được?

“A Ban lại vây Phan Rang. Cai đội Chu Kiêm Thắng báo tin gấp về đình Bình Khang. Trấn thủ Nguyễn Hữu Oai và Lưu thủ Nhuận (không rõ họ) tiến binh theo đường đồ để cứu viện. A Ban bèn lui về Bảo Lạc. Phan Rang được giải vây. Rồi Hữu Oai bị bệnh chết.

2. Thuật toán mệnh theo giờ sinh bất tự thể hiện rõ nhất nội dung chủ yếu của thuyết định mệnh

Dùng năm tháng, ngày giờ để suy đoán hung cát một đời người, đó chính là đoán mệnh theo giờ sinh bất tự. Thuật đoán mệnh có đại đa xuất hiện từ thời kỳ Hán Ngụy, đến Lý Hư Trung đời Đường thì chính thức xác lập hệ thống.

Theo bài “Điện trung thị Ngự sử Lý Quán mộ chí minh” của Hàn Dũ, người đứng đầu Đường Tông Bát Đại Gia, có ghi chép: “Điện trung thị Ngự sử Lý Quán,

tên là Hư Trung, tên chữ là Thường Dung. Từ thuở niên thiếu đã hiếu học, học gì cũng tinh thông, nhất là thuật ngũ hành. Dựa vào can chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh, xem xét thịnh suy tửvong, suy đoán thọ yếu, sang hèn, lợi và bất lợi, đoán trước trăm điều không sai.”

Thuật đoán mệnh giờ sinh bắt tự sau này được Từ Tử Bình đời Tống Sơ phát triển hoàn thiện thêm, được các nhà mệnh lý học đời sau học tập áp dụng rộng rãi. Thuật đoán mệnh giờ sinh bắt tự từ khi Lý Hư Trung đời Đường chính thức xác lập thành hệ thống cho đến nay đã trải qua trên 1,200 năm lịch sử. Trải qua 5 thời kỳ Tống, Nguyên, Minh, Thanh, và Dân Quốc, rất nhiều các văn nhân học sĩ, đạt quan quý nhân góp sức hoàn thiện hệ thống lý luận thuật đoán mệnh, khiến cho thuật số môn này càng phát triển. Từ thời đó đến nay chưa bao giờ bị coi là “phong kiến mê tín” và bị triều đình hoặc quốc gia ngăn cấm, càng không có chuyện huy động toàn bộ bộ máy quốc gia để nhục mạ bắt bỏ. Trái lại rất nhiều quan chức cao cấp đều tin mệnh số; thậm chí hoàng đế cũng vậy. Bản thân hoàng đế Ung Chính cũng biết đoán mệnh, thường lấy giờ sinh của các đại thần ra để xem mệnh.

Thời kỳ Dân Quốc, phong trào tương thuật mệnh lý càng thịnh hành, rất nhiều những nhân vật cao cấp, giới quan sự chính trị thích xem quẻ hồi mệnh. Trương Kỳ Hoàng, người từng đảm nhiệm các chức vụ Sở trưởng Sở Quân vụ Đốc độ phủ Hồ Nam, Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Tây, Chánh văn phòng Bộ Tư lệnh Liên quân, đối với thuật số như mệnh lý, xem sao xem tướng, ông đều có nghiên cứu và có thành tựu rất sâu. Ngô Bội Phu, một trong những nguyên soái quân phiệt lớn mạnh nhất thời Dân Quốc cũng biết đoán mệnh. Hai người đã từng giao lưu và đoán mệnh của nhau.

Nhà mệnh lý học thời kỳ Dân Quốc là Viên Thu San đã từng đoán mệnh cho Hà Ứng Khâm, tướng lĩnh cao cấp của Dân Quốc, đồng minh của Tướng Giới Thạch. Hà Ứng Khâm đưa ông đến đoán mệnh cho Tổng thống Tưởng Trung Chính (thì Tướng Giới Thạch) và được tổng thống đánh giá rất cao. Nhờ vậy những nhân vật trọng yếu trong chính giới, các đại thương nhân đều coi việc có được tờ đoán mệnh



Một bức tranh vẽ Hoàng đế Càn Long trong một lần đi săn.

của Viên tiên sinh là niềm vinh hạnh.

Nếu vận mệnh không phải là tiền định thì thuật đoán mệnh giờ sinh bắt tự căn cứ vào đâu để luận ra được số phận con người? Nếu nó không mang lại giá trị thực tiễn gì thì cũng khó có thể trải qua trên 1,200 năm lưu truyền cho đến ngày nay. Do đó, thuật đoán mệnh giờ sinh bắt tự thể hiện rõ nhất nội dung chủ yếu của thuyết định mệnh.

3. Thầy toán mệnh toán mệnh cho Hoàng đế Càn Long

Khỉ hoàng đế Càn Long đi tuần thú Giang Ninh, ông mặc thường phục đi du ngoạn, gặp một thầy toán mệnh họ Lưu. Tâm hiếu kỳ nổi lên, ông tìm đến để đoán mệnh.

Thầy đoán mệnh xem can chi giờ sinh của Càn Long, lặng lẽ tính toán một lúc, mặt bỗng lộ vẻ kinh ngạc, lắc đầu than mãi không thôi. Càn Long cảm thấy hết sức kỳ lạ bèn hỏi nguyên nhân. Thấy đoán mệnh nói: “Tôi đã đoán mệnh hơn 30 năm nay, tự tin rằng xem hung cát họa phúc, không gì là không ứng nghiệm như Thần. Lúc nhân rồi tôi cũng xem mệnh lưu niên cho mình, tính ra mình lẽ ra có chút phú quý, thụ hưởng bổng lộc 2,000 thăng cũng không phải là quá khó. Nhưng hiện nay tôi lại nghèo khổ khôn đốn như thế này. Hôm nay lại xem mệnh ngài, lẽ ra phú quý tốt đỉnh, cho dù không có hồng phúc nào thiên hạ thì cũng là cao quan mặc áo măng bào đeo ngọc bội. Thế mà tại sao hai chúng ta lại gặp nhau ở chốn chợ búa như thế này? Quả là đáng buồn thay, chao ôi, đáng buồn thay.”

Càn Long rất khâm phục tài năng đoán mệnh của ông ta, không nói năng gì đứng dậy rời đi. Sau này ông phong cho thấy đoán mệnh họ Lưu này làm chức quan tri phủ.

Tướng Hoà biên dịch

Nhìn thế sự mà ngẫm lại lời xưa của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn

MINH BẢO

Trong bối cảnh kinh tế thế giới cũng như quê nhà có nhiều biến động, cùng nhau đọc lại những lời vàng ngọc của Đức Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, biết đâu lại có thể ngẫm ra điều gì có ích lợi cho thế cuộc hiện nay chăng?

“Khoan sức dân làm kế rẽ sâu gốc vững, ấy mới là thượng sách giữ nước”. (*Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn*)

Làm thế nào để quốc gia luôn

thịnh vượng trường tồn, để cuộc sống của người dân sung túc, đủ đầy là tâm nguyện của các bậc cầm quyền nhân đức.

Sử xưa có chép:

“Canh Tý, [Hưng Long] năm thứ 8 [1300] Tháng 6, ngày 24, sao sa. Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:

- Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?

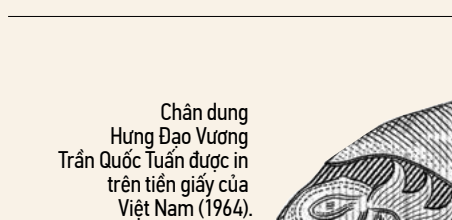
Vương trả lời:

- Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân oán hận. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì một mối suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lô mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bôn mặt báo vậy. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời

xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoán binh. Dùng lòng [binh] chế trường [trận] là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tâm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Và lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rẻ bên gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.” (*Trích: Đại Việt sử ký toàn thư*).

Lời bàn :

Hưng Đạo Đại Vương là bậc thánh nhân thiên cổ. Đọc lại những lời giáo huấn của ngài mà thực sự thấy lo cho cái gốc rễ của sơn hà xã tắc. Nếu ở một xứ nào đó mà người ta phải thốt lên: “Nay có người ăn của dân không từ cái gì hết!” thì quả là đáng quan



ngại!...Cổ nhân có câu: 民以食为天 tức “Dân dĩ thực vi Thiên”, nghĩa là dân lấy miếng ăn làm trọng, nên muốn trị dân trước hết phải làm cho dân no ấm vì dân đói thì nước loạn. Ấy thế mà “Thiên” của dân cũng bị người ta ăn hết mất rồi thì điều gì đón đợi chúng ta đây?



Ý nghĩa của sự tử đá trong kiến trúc cổ

TRUNG HÒA

Theo văn hóa truyền thống và thuần phong mỹ tục xưa, ở công cung điện, nhà môn, lăng tẩm, miếu đường, viên lâm, cầu long hoặc gia trạch lớn... người ta thường đặt đôi sư tử đá để trấn trạch. Trong các thư tịch cổ cũng có ghi chép, ví như sách *Văn kiến ngẩu lục* của Chu Tượng Hiến đời Thanh có chép: “Ở ngoài cổng hai bên trái phải của các cung điện, nha môn ngày nay có đặt tượng thú bằng đá, tốc xoắn mặt lớn, nhe nanh múa vuốt, thường được gọi là: Sư tử đá.”

Sau này cụm từ “Sư tử gác” được dùng để miêu tả âm thanh vang rền khi Phật Đà thuyết Pháp, có mang theo ý chấn nhiếp hết thảy tà thuyết ngoại đạo. Vì thế địa vị sư tử trong Phật giáo cũng ngày càng trở nên quan trọng, được các tín đồ Phật giáo coi là Thần thú cát tường, trang nghiêm uy dũng.

Nguồn gốc của sư tử và mối liên quan giữa sư tử với Phật giáo

Sư tử là mãnh thú mạnh mẽ, lông màu nâu vàng. Sư tử đực có cổ lông dài gọi là bờm, tiếng gầm vang rền. Sư tử sống ở châu Phi và vùng phía Tây châu Á. Chúng thường săn bắt và ăn thịt các động vật lớn như ngựa vằn, hươu cao cổ, linh dương... nên được mệnh danh là “Vua của các loài thú”.

Theo sử sách ghi chép, Hán Vũ Đế sai Trương Khiên đi sứ Tây Vực, mở ra con đường nội thông với các nước Tây Vực. Sách *Hậu Hán thư* có chép: “Năm Chương Hòa thứ nhất đời Chương Đế, nước An Tức đi sứ dâng sư tử và phù bát. Phù bát hình dáng

như kỳ lân nhưng không có sừng.”

Cùng với quá trình Phật giáo truyền vào Trung Quốc thì sư tử đã dần dần thay thế ngôi “Chúa Sơn Lâm” của hổ. Trong tác phẩm *Truyền đăng lục* của tăng nhân đời Tống là Đạo Nguyên có viết: “Khi Phật tổ Thích Ca Mâu Ni giảng sinh, một tay Ngài chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, nói như sư tử gầm rằng: Trên trời dưới đất, duy ngã độc tôn.”

Sau này cụm từ “Sư tử gác” được dùng để miêu tả âm thanh vang rền khi Phật Đà thuyết Pháp, có mang theo ý chấn nhiếp hết thảy tà thuyết ngoại đạo. Vì thế địa vị sư tử trong Phật giáo cũng ngày càng trở nên quan trọng, được các tín đồ Phật giáo coi là Thần thú cát tường, trang nghiêm uy dũng.

Kiến trúc thời đại nào thường dùng sư tử đá trấn trạch?

Do tâm lý tôn sùng sư tử nên trong mắt mọi người, sư tử là loài thú may mắn biểu tượng cho uy nghiêm và tôn quý. Từ đó, rất nhanh chóng sư tử đã trở thành đề tài của các tác phẩm nghệ thuật và điêu khắc. Cũng kể từ đó, lăng mộ và nghĩa trang các dòng họ danh gia vọng tộc thời Hán Đường đã bắt đầu xuất hiện hình bóng sư tử đá. Thời đó, sư tử đá chưa được sử



dụng rộng rãi, chỉ xuất hiện ở trước cổng lăng tẩm, nhà mộ, và thường được đặt cùng ngựa đá, dê đá... với mục đích khiến cho con người này sinh lòng kính sợ.

Từ thời Đường Tống về sau thì sư tử đá đã được sử dụng rộng rãi trong dân gian. Dân gian cho rằng: Trước cổng đặt sư tử đá giống như có Thần thú gác cổng, dùng để bảo coi là Thần thú cát tường, trang nghiêm uy dũng.

Việc tạo hình sư tử đá ở các triều đại khác nhau cũng có sự khác nhau. Đến triều nhà Thanh, điêu khắc sư tử đá về cơ bản đã cố định hình dáng. Sư tử đá thời Hán Đường cường tráng dữ tợn. Sư tử đá thời nhà Nguyên gầy mà hùng tráng mạnh mẽ. Sư tử đá thời nhà Minh thì khá ôn hòa hiền lành.

Hình dạng của mỗi chú sư tử đá cũng thể hiện nét đặc sắc của từng địa phương khác nhau. Do đó sư tử đá còn có phân biệt giữa sư tử đá

miền Nam với sư tử từ đá miền Bắc. Sư tử đá miền Bắc ngoại hình đơn giản chất phác, khá hùng tráng, dữ tợn, uy nghiêm. Sư tử đá miền Nam thì điêu khắc trang trí phức tạp cầu kỳ, ngoại hình hoạt bát, thủ vị.

Người xưa cho rằng vạn vật đều phân chia âm dương, coi trọng âm dương điều hòa, do đó dùng sư tử đá cũng có những quy tắc nhất định. Thông thường là sử dụng cặp sư tử đá một đực một cái, thành đôi, bên trái là con đực, bên phải là con cái, phù hợp học thuyết âm dương “nam là nữ hữu”. Trong dân gian, sư tử đá được coi là có tác dụng trấn tà, thường được dùng để trấn giữ cổng. Bên ngoài cổng phía tay trái đặt sư tử đực, thường được điêu khắc chân đạp một quả tú cầu, tượng trưng cho quyền lực vô hạn, phía bên tay phải là sư tử cái và một sư tử con đang nép mình bên dưới, tượng trưng cho hình ảnh con cháu trường tồn, sinh sôi nảy nở.

Người chính – tâm chính, người thiện – tâm thiện, nhất định sẽ có phúc báo

QUỲNH CHỊ

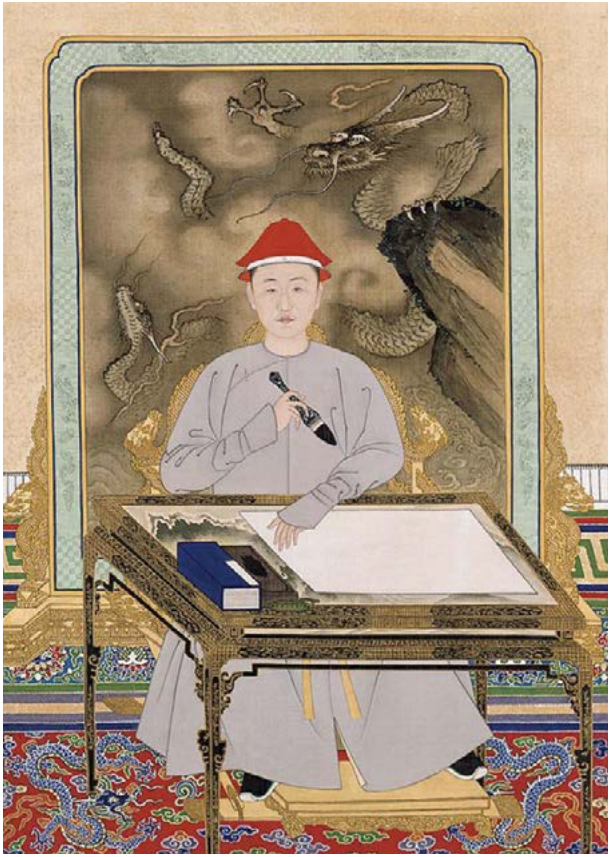
Tục truyền, Hoàng đế Khang Hy triều Thanh có lần bị một căn bệnh kỳ quái. Ngự y trong cung đã dùng tất cả được liệu quý báu chữa trị nhưng đành bó tay.

Đến một ngày, Hoàng đế Khang Hy một mình xuất cung, cải trang thành dân thường đi dạo trong đêm; ông đi vào một con phố, thấy một hiệu thuốc nhỏ. Bên trong hiệu thuốc đèn đuốc sáng trưng, còn có tiếng rì rầm đọc sách.

Khang Hy nghĩ thầm, lẽ nào đây là cao thủ chôn dân gian. Hoàng đế bèn gõ cửa. Sau khi vào nhà, nhìn thấy một vị hơn 40 tuổi đang ngồi dưới ánh nến đọc sách, đoán chừng chính là lang trung - ông chủ của hiệu thuốc này.

Vị lang trung liền hỏi: “Các hạ đem khuya đến thăm, có điều gì chỉ giáo?”

Khang Hy nói: “Đêm khuya đến nhà, có nhiều mao muội. Tôi bị một căn bệnh, toàn thân ngứa ngáy, khắp người nổi mẩn đỏ, rất nhiều danh y đều không chữa khỏi. Tiền sinh có thể xem một chút không?”



Chân dung Hoàng đế Khang Hy khi còn trẻ.

Vị lang trung nói: “Được. Xin ngài coi áo ra, để tôi nhìn một chút.”

Khang Hy cởi áo, vị lang trung nhìn thoáng qua liền nói: “Các hạ không cần phải lo lắng. Đây là do ngày thường ăn sơn trần hải vị nhiều, lại thường kỵ ăn nhân sâm, hóa khí bốc lên, bởi vậy nổi mẩn đỏ, dẫn đến ngứa.”

Khang Hy hỏi: “Bệnh này có thể trị tận gốc không?”

Lang trung nói: “Dùng chút thuốc liền sẽ khỏi.”

Nói xong, ông đưa tay với lấy một cái bình trên giá gỗ, trái rộng một cái túi vải, đổ hết thuốc trong bình ra, nặng chừng bảy, tám cân.

Khang Hy nói: “Tiền sinh, nhiều như vậy, mới lần dùng bao nhiêu mới hết được?”

Lang trung nói: “Đây là tám cân Đại Hoàng, ngài hãy đem về nhà, dùng đun với tám cân nước, để vào trong vạc, chờ nhiệt độ nước còn vừa phải, liền ngâm mình vào vạc tắm rửa, ít thì ba lần, nhiều thì năm lần, liền có thể chữa trị.”

Khang Hy nghĩ thầm: “Ngự y trong cung dùng nhiều kỹ phương diệu được đều không khỏi, cái Đại Hoàng không

đáng tiền này liệu có trị hết bệnh của ta?”

Lang trung nhìn thấy mặt vị khách có chút nghi ngờ, liền cười nói: “Xin các hạ yên tâm, tôi đây không lừa tiền, thuốc này ông cứ cầm về dùng, nếu trị không hết, một xu tôi cũng sẽ không lấy.”

Khang Hy nói: “Được. Nếu có thể chữa khỏi bệnh của tôi, nhất định có hậu tạ.”

Khang Hy quay về trong cung, làm theo lời dặn của vị lang trung, đun nước tắm rửa. Khi ông vừa ngâm mình trong bốn tám, liền lập tức cảm thấy toàn thân nhẹ nhàng khoan khoái. Sau khi tắm ba lần, toàn thân thật sự không còn ngứa, toàn bộ mẩn đỏ trên thân cũng biến mất.

Khang Hy hết sức cao hứng, lại cải trang đi vào hiệu thuốc nhỏ kia.

Lang trung gặp lại Khang Hy, quan sát sắc mặt liền biết bệnh tình đã khỏi, có ý nói: “Các hạ hôm nay là đưa tiền đến?”

Khang Hy nói: “Đúng vậy! Tiền sinh nói xem muốn bao nhiêu tiền?”

Lang trung cười lớn: “Đêm hôm đó gặp ngài bán tín bán nghi, tôi mới có ý nói trị không hết bệnh thì một xu cũng không lấy, bây giờ khỏi bệnh rồi thì vẫn là một xu cũng không thu vậy. Tôi gặp ngài cảm thấy khí phách phi phàm, chỉ muốn cùng ngài kết giao bằng hữu mà thôi. Xin hỏi, tôn tính đại danh của các hạ?”

Khang Hy mỉm cười nói: “Học sinh họ Hoàng, tự Thiên Tinh, là một thư sinh”.

Lang trung nghe xong cao hứng nói: “Tôi tên là Triệu Quế Đường, cũng là một thư sinh nghèo. Phụ thân mong tôi lập chí để tên bằng vàng, làm rạng rỡ tổ tông, nhưng ai biết trời không toại lòng người, nhiều lần thi rớt. Bây giờ đành phải ở kinh thành mở một tiệm thuốc nhỏ, một mặt làm nghề y, một mặt ra sức học hành, hi vọng một ngày kia có thể cá vượt Long Môn.”

Khang Hy nói: “Triệu huynh, có câu 'bằng thượng vô danh, cước hạ hữu lộ'. Với y thuật cao siêu của ông, tôi có thể hết lòng giúp ông tiến cung đảm nhiệm ngự y, chẳng phải là cá vượt Long Môn sao?”

Triệu Quế Đường cười nói: “Người làm nghề y là nghĩ cho bách tính khắp thiên hạ, vì họ mà bài ưu giải nạn. Tiến cung làm ngự y, chỉ việc hưởng hết vinh hoa phú quý, cũng không còn vì thiên hạ bách tính mà chữa bệnh nữa. Đây không phải là mong muốn của tôi, làm như vậy y đức có ích gì?”

Khang Hy nghe xong, cảm khái nói: “Tài đức của Triệu huynh thật làm tôi bội phục. Huynh nhiều lần thi không thành, sao không để tâm thể hiện tài năng trong ngành y?”

Triệu Quế Đường nói: “Tôi cũng là nghĩ như thế, nhưng âu cũng là tham vọng trên mây vậy, khó lòng thực hiện. Lão huynh nếu sau này phát đại tài, giúp tôi xây một tòa được đường lớn, cũng coi như tôi không uống phí xem bệnh cho ông một lần.”

Khang Hy nghe xong không chút do dự nói: “Nếu xây được đường, thì đặt tên là gì đây? Hãy gọi là ‘Đông Nhân Đường’ đi, ông xem cái tên này ra sao?”

Triệu Quế Đường nhìn thấy vị khách có vẻ nghiêm túc, liền cười nói: “Xây được đường lớn cần một số tiền lớn, ai biết ông khi nào mới có thể phát đại tài? Tôi nói đùa vậy thôi, ông nghĩ là thật sao!”

Khang Hy bèn nói: “Không ngại, cứ thử một chút đi.” Liền cầm bút từ trên mặt bàn, viết tờ giấy, lại đóng lên con dấu, rồi nói: “Triệu huynh, ngày mai ông đến nha môn trong phủ một chuyến. Chỗ ấy có một vị bằng hữu của



Tranh vẽ chân dung Hoàng đế Khang Hy.

tôi, không chừng có thể giúp một tay.”

Ngày hôm sau, Triệu Quế Đường cảm thấy hiệu kỳ, bèn cầm tờ giấy tìm tới nha môn trong phủ, tâu lên tờ giấy. Chỉ chốc lát sau, một quan nhân đi ra, dẫn Triệu Quế Đường vào cửa bên trong, đi qua một vườn nhỏ, lại đi tới trước một cái phòng lớn. Quan nhân mở cửa phòng ra, từ bên trong có tiếng nói: “Triệu tiên sinh, chỗ này có đủ tiền thuốc của ông không?”

Triệu Quế Đường nhìn lên, chỉ thấy đầy phòng là bạc trắng, giật mình không hiểu chuyện gì.

Lúc này, vị quan nhân nói: “Triệu tiên sinh, vạn tuế gia có chỉ, ông xem bệnh cho Người, một xu cũng không lấy. Người muốn trả cho ông một tòa ‘Đông Nhân Đường’. Như vậy là ông được tại nguyện rồi!”

Triệu Quế Đường lúc này mới như vừa tỉnh dậy sau giấc mộng: Hóa ra là ông kết giao bằng hữu với Hoàng huynh, chính là đương kim hoàng thượng.

Một thời gian sau, một tòa đại được đường đã được xây lên, được đặt tên là “Đông Nhân Đường.”

Trong ngày khánh thành “Đông Nhân Đường”, Hoàng đế Khang Hy đã đích thân đến chúc mừng, khiến Triệu Quế Đường lúng túng không biết xử trí như thế nào cho phải.

Khang Hy cười nói: “Chớ có bối rối. Tiền thuốc của ta nhà người không nhận, nếu lần sau lại xem bệnh, người vẫn không thu là được rồi.”

Kể từ đó, có một tòa được đường lớn tên là “Đông Nhân Đường” ở thành Bắc Kinh.



Đông Nhân Đường ở Bắc Kinh vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

Dịch bệnh viêm phổi Vũ Hán từ góc nhìn NGŨ HÀNH và NGŨ ĐỨC

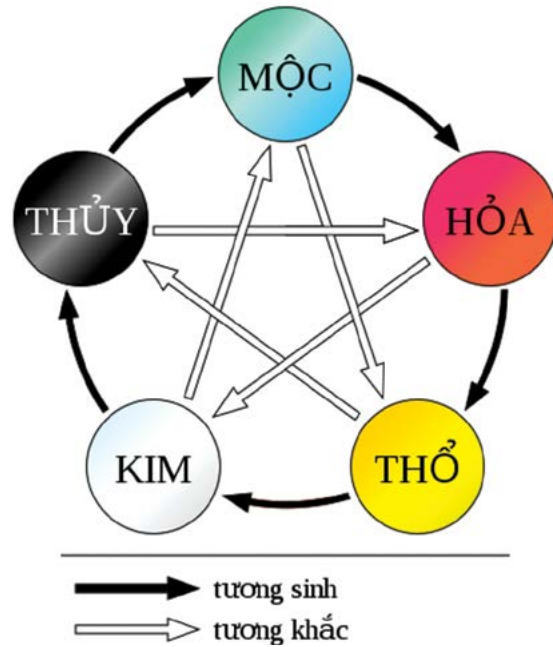
TRUNG HÒA

5 quan hệ giữa Ngũ hành, Ngũ tạng và Ngũ đức

Theo quan niệm truyền thống, con người là một phần của tự nhiên vũ trụ, Thiên - Nhân hợp nhất. Đạo gia cho rằng con người là một tiểu vũ trụ, vũ trụ như thế nào thì con người cũng như thế ấy. Nho gia cho rằng Thiên - Nhân cảm ứng, thế giới tự nhiên bên ngoài thể nào thì phản ánh cảm ứng lên con người tương ứng. Khi “Người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên” thì sẽ đạt được trạng thái tốt nhất về thể chất và thăng hoa tinh thần. Quan hệ giữa Ngũ đức (còn gọi là Ngũ thường), Ngũ hành và Ngũ tạng như sau:

Nhân - Mộc - Can
Nghĩa - Kim - Phế
Lễ - Hỏa - Tâm
Trí - Thủy - Thận
Tín - Thổ - Tì

Ngũ Hành tương sinh tương khắc theo sơ đồ sau:



Khi “Người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên” thì sẽ đạt được trạng thái tốt nhất về thể chất và thăng hoa tinh thần.

Nhân đối ứng với Mộc và Can: Nhân đức dưỡng can

Nhân đối ứng với tạng Can, hành Mộc và mùa Xuân. Can (gan) lại khai khiếu ở mắt. Thế nên người giàu lòng nhân ái có thể dễ dàng quan sát được: hiền lành, thiện lương, khoan dung, nhân nại, yêu thương mọi vật, từ ánh mắt là có thể thấy sự thiện lương. Trái lại người thiếu lòng nhân, hiếu sát, nóng giận, thường có vấn đề về gan và giảm thọ. Người xưa nói: “Người nhân đức thì khỏe mạnh trường thọ” chính là như thế.

Nghĩa đối ứng với Kim và Phế: Nghĩa dưỡng phế

Nghĩa đối ứng với tạng Phế, hành Kim và mùa Thu. Như vậy người có Nghĩa tức là có Kim đức, là gốc rễ của một lá phổi khỏe mạnh. Ngược lại, nếu một người mà Phế (phổi), Ngũ thông hô hấp yếu thì cũng thiếu Nghĩa (nghĩa khí). Còn người quá khích hung dữ thì bất nghĩa, nhiều sát khí, cũng dễ mắc bệnh về Phế, tức phổi và hệ thống hô hấp.

Lễ đối ứng với Hỏa và Tâm: Lễ dưỡng tâm

Lễ đối ứng với tạng Tâm, hành Hỏa và mùa Hạ. Sách “Thượng Thư” viết: “Hỏa nóng, hướng lên”, đại biểu cho tính tích cực, hướng lên trên, sáng tỏ và tiến bộ. Thế nên con người hay quốc gia có tiến bộ hay không thì lễ mao là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá. Người giữ lễ biết ước thúc bản thân, không phóng túng, ít ham muốn. Nho gia cũng cho rằng: “Dưỡng tâm thì không gì tốt bằng ít ham muốn”. Sách “Hoàng Đế nội kinh” cho rằng, Tâm là vua của cơ thể, vua sáng thì mọi cơ quan trong cơ thể đều an định, vua không sáng thì mọi cơ quan trong cơ thể đều nguy.

Trí đối ứng với Thủy và Thận: Trí dưỡng Thận

Trí đối ứng với tạng Thận, hành Thủy và mùa Đông. Một người muốn có trí tuệ thì trước hết phải tu dưỡng đức tính khiêm tốn, tức là có thể tiếp nhận được những ý kiến của người khác. Có thể tiếp nhận ý kiến của người khác thì tức là “kiêm thính tác minh”. Người có trí tuệ biểu hiện ôn hòa, điềm đạm, bình tĩnh, khiêm nhường, biểu hiện ở thân thể là thận khí dồi dào. Trái lại người thận khí thiếu thì hay câu gắt, lo lắng bất an, biểu hiện của cơ thể như đau lưng, mỏi chân, hoa mắt, chán ăn, tinh thần chán nản.



Theo quan niệm truyền thống, con người là một phần của tự nhiên vũ trụ, Thiên - Nhân hợp nhất.

Tín đối ứng với Thổ và Tỳ: Tín dưỡng Tỳ

Tín đối ứng với tạng Tỳ, hành Thổ và cuối mỗi mùa. Người thành tín thường suy nghĩ đơn giản, không tính toán thiệt hơn, nói lời giữ lời, biểu hiện ở cơ thể là tỳ, vị, hệ tiêu hóa tốt. Người thiếu thành tín thì hay đa nghi, hay oán trách, thường tìm cách biện hộ cho sai trái lỗi lầm của mình và đùn đẩy trách nhiệm, biểu hiện trên cơ thể là tỳ khí hư, thường có vấn đề về dạ dày, hệ tiêu hóa.

Con người làm việc cũng vậy mà làm người cũng vậy đều phải giữ chữ tín thì mới tồn tại được. Người mà không có chữ tín thì không thể có chỗ đứng trong xã hội. Trạng thái của thân thể cũng là như vậy. Một người nếu đặc biệt thành tín, thật thà thì sức mạnh hành động của họ cũng rất cường đại, trong lòng không so đo nèn dạ dày, hệ tiêu hóa của họ là hết sức tốt. Trái lại, người thường so đo nhiều thì lòng dạ, hệ tiêu hóa sẽ không tốt.

Bệnh viêm phổi Trung Cộng: vì lợi mà đánh mất chính nghĩa

Tác phẩm “Ngũ Đức” của Trương Tam Phong, một trong những ông tổ Đạo giáo, người sáng lập trường phái Vô Đang và Thái cực quyền đã viết: “Người ta đều nói, trong đời sống không thể thiếu Kim, vậy tại sao lại đánh mất Nghĩa. Người không có Nghĩa thì sẽ không biết suy nghĩ đứng sai, không biết chính nghĩa, thì lâu dần Phế sẽ mất chức năng, và những thứ thuộc hành Kim cũng sẽ mục nát.”

Dịch bùng phát đầu tiên ở Trung Quốc, nơi mà tội ác diệt chủng loài người chà đạp nhân quyền, bức hại quảng cáo cho tờ báo của Trung Cộng là China Daily để thực hiện các bài chèn từ 4 đến 8 trang được gọi là ChinaWatch đều đặn hàng tháng. Sở giao dịch chứng khoán New York đã có hơn 650 công ty thuộc sở hữu của Trung Cộng niêm yết và giao dịch, đem lại số tiền vốn lên đến hàng trăm tỷ đô la về cho Trung Cộng.

Đại học Cornell ở New York nhận trên 5.3 triệu đô la tài trợ từ Huawei, và có 6 trường đại học khác của New York có Viện Không Tử và nhận tài trợ từ Trung Cộng.

Đối diện với Trung Cộng là ác bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, bất tín như thế; quốc gia, dân tộc, khu vực, tổ chức hay cá nhân nào có nghĩa khí, bày tỏ thái độ lên án, phản đối, thì khi này Nghĩa dưỡng Phế, phổi và hệ thống hô hấp của họ tăng Kim đức, chức năng phổi và hệ thống hô hấp từ đó sẽ mạnh mẽ lên, sẽ khó bị nhiễm bệnh viêm phổi Trung Cộng, hoặc nếu không may nhiễm loại virus này thì cũng nhanh chóng khỏi.

Thiên - Nhân hợp nhất và Thiên - Nhân tương ứng có nghĩa là con người và thiên nhiên tương thông, con người cần phải hài hòa với lẽ Trời, thuận theo tự nhiên, sống có đạo đức, biểu hiện bên ngoài thì Trung - Chính, nội tâm thì Bình - Hòa. Người như thế thì hình - thần đều đầy đủ, chính khí sung mãn bên trong thân thể, bệnh tật cũng khó mà sinh ra, tà khí bên ngoài (ví khuẩn, siêu vi khuẩn) cũng không xâm phạm được.

Cẩm ngộ Hồng Lâu Mộng: Những sầu muộn của tình ái chẳng qua chỉ là vay trả

THANH MAI

Nhân gian không nợ bất tương phùng

Bên bờ sông Linh Bà ở Tây phương, bên cạnh hòn đá Tam Sinh có một cây Giáng Châu được Thần Anh, người làm chức quan hầu ở cung Xích Hà, ngày ngày lấy nước cam lộ tưới bốn cho nó mới tươi tốt sống lâu. Đã hấp thụ tình hoa của trời đất, lại được nước cam lộ chăm bón, cây Giáng Châu thoát涕 được hình cây, hóa thành hình người, tu luyện thành Giáng Châu tiên tử, suốt ngày rong chơi ngoài cõi trời Ly Hận, đôi thì ăn quả "Mật Thanh" khát thì uống nước bẻ "quả sầu".

Chỉ vì chưa trả được ơn bốn tưới, cho nên trong lòng nó vẫn mắc miu, khi nào cũng cảm thấy như còn vương một mối tình gì đấy. Gần đây, Thần Anh bị lửa trần rực cháy trong lòng, nhân gặp trời đất thái bình thịnh vượng muốn xuống cõi trần để qua kiếp "áo duyên", nên đã đến trước mặt vị tiên Cảnh Áo ghi sổ. Cảnh Áo liền hỏi đến mối tình bốn tưới, biết chưa trả xong, muốn nhân đó để kết liễu câu chuyện. Nàng Giáng Châu nói: "Chàng ra ơm mua móc mà ta không có gì để trả lại. Chàng đã xuống trần làm người, ta cũng phải đi theo. Ta lấy hết nước mắt của đời ta để trả lại chàng, như thế ân này mới trang trãi xong!". Vì thế đàn ra bao nhiêu oan gia phong lưu đều phải xuống trần, để kết liễu món nợ đó. Thần Anh hạ phạm đầu thai là Giả Bảo Ngọc trong Giả phủ. Giáng Châu tiên từ đầu thai là Đại Ngọc vào nhà họ Lâm tại Giang Nam, sau khi mẫu thân qua đời, được đón về Giả phủ.

Bởi vậy, khi lần đầu nhìn thấy Đại Ngọc, Bảo Ngọc đã vô cùng ngạc nhiên, thấy có gương trước mặt mình sao thấy quen đến thế. "La thật Hình như ta đã gặp ở đâu rồi, sao quen mặt thế!".

Tất cả những cuộc tương ngộ tai thế gian này, đều là cuộc đoàn tụ ở một thời gian và không gian khác sau một thời gian vắng bóng. Trong biển người mênh mông hàng nghìn người, hai người xa lạ tình cờ gặp nhau yêu nhau từ cái nhìn đầu tiên, tất cả đều là duyên tiền định hóa kiếp.

Nhân gian không nợ không tương phùng. Đại Ngọc, khi tới thế gian kỳ ức đã xóa sạch, không biết rằng cuộc gặp gỡ này chỉ là bắt đầu cho sự trả nợ bằng nước mắt.

Trong mắt không biết bản thân mình là ai

Trong 80 hồi đầu tiên của Hồng Lâu

Mộng, Đại Ngọc khóc tổng cộng 37 lần. "Rời lệ trước cửa sổ", "Khóc một mình trong phòng", "Che mặt tựkhóc", "Khóc thắm", "Nước mắt lưng tròng", "Hai mắt sưng húp như nửa trái đào, nước mắt đầm khuôn mặt", "Nước mắt giàn giụa"... Đại Ngọc luôn khóc, "nức nở", "đau khổ", "bi thương", tính cách thích khóc chỉ là nguyên nhân bề ngoài.

Ở trong mê không biết mình là ai, nhìn không thấy quan hệ nhân duyên, Đại Ngọc thường bị để nén bởi thói đời nóng lạnh, tình người ấm lạnh giữa các mối quan hệ. Nàng cả đời đau khổ vì tình, khóc vì Bảo Ngọc, khóc cho tới khi Bảo Ngọc kết hôn với Bảo Thoa, nước mắt khô cạn mà chưa chết, mới có thể được giải thoát.

Nếu Đại Ngọc biết rằng, những giọt nước mắt này là để trả ơn người đã vun xới mang nước cam lộ cho cô, nằm đó bao nhiêu nước cam lộ, nằm nay sẽ có bấy nhiêu nước mắt. Đây là nguyện vọng của chính bản thân Giáng Châu tiên tử, vậy cần gì phải đa sầu đa cảm, than thở một cách vô ích?

Thần tiên khi không còn liên quan, không thể tiếp tục thân thích với người làm trần.

Mối quan hệ duyên tình giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc có căn nguyên từ việc đền đáp bằng nước mắt, khi nợ ân tình đã đến đầy đủ, nước mắt đã cạn Đại Ngọc rời khỏi nhân gian, về lại Thái Hư Ồ Cảnh, làm Tiểu Tương phi từ tại tiên cung.

Lần thứ hai khi tới Thái Hư Ồ Cảnh và nhìn thấy Đại Ngọc, Bảo Ngọc không nên nói mà muốn bày tỏ tâm tình: "Muội muội ở đây mà làm tà mong nhớ mãi". Kết quả lập tức bị người hầu gái dưới ra ngoài. Tình duyên ở nhân gian là ngắn ngủi, nợ tình đã hết, duyên phận đã tận, "Ai là chị em của anh ở đây?"

Về phần mình, Bảo Ngọc thất vọng phát hiện, những người thân đã chết của anh bao gồm cả Tình Văn cũng không thừa nhận và nhìn đến. Chính là thân tiên khi đã không còn liên quan, sẽ không tiếp tục có tình thân với người phạm.

Đại Ngọc trở lại tiên giới với thân phận là Tiểu Tương phi tử, nhìn thấy Bảo Ngọc là thân phận người trần. Người trần làm sao có thể cho phép anh lưu lại tiên giới? Tuy nhiên, Tiểu Tương phi tử vẫn có thể nhận ra đó là Thần Anh thì giả ở cùng tăng thứ. Để đánh thức Thần Anh quay về tiên giới, Tiểu Tương phi tử đã hạ lệnh cho Cô Ba Vưu rút kiếm dưới theo Bảo Ngọc, cắt đứt mối trần duyên của anh. Qua



Tranh vẽ "Hồng Lâu Mộng" của tác giả Qing Sun Wen.



Tranh vẽ "Hồng Lâu Mộng" của tác giả Qing Sun Wen.

đây có thể thấy, Đại Ngọc sau khi thành tiên vẫn mong muốn điều tốt cho anh, và điều đó hoàn toàn vượt xa quan hệ tư tưởng thuần giữa nam và nữ nơi cõi phàm trần.

Hạ phạm chi để đóng vai trong một vở kịch

Tiền cô Cảnh Áo dẫn Bảo Ngọc du ngoạn nơi Thái Hư Ồ Cảnh lần thứ nhất, vốn là muốn nhắc nhớ anh, chính là đểm mê mẩn những ảo mộng đời người, sớm quay đầu trở lại. Một Bảo Ngọc chưa từng trải qua việc đời ngày thơ khó lý giải: Tại sao từ cơ tới kim, tình cảm đều chẳng qua chỉ là "Duyên nợ trăng gió"?

Sau khi từ Thái Hư Ồ Cảnh trở về lần thứ hai, Bảo Ngọc càng chán ghét công danh sự nghiệp, coi nhẹ chuyện tình duyên nam nữ, "Nhìn thấy linh cửu của Lâm muội đưa đi, mà không thương tâm rơi lệ".

Bảo Ngọc vô tình, bởi cuối cùng anh đã nhìn thấu, tình duyên trên đời đều là duyên nợ, tình yêu giữa nam và nữ trong cõi hồng trần, xác thực là sự trả nợ trắng gió của nam nữ sĩ tình.

Đi qua cõi hồng trần và trải qua cuộc ảo tình bị ép buộc, Bảo Ngọc mới nhận ra mình hạ phạm chẳng qua chỉ để diễn một vở kịch, gây ồn ào cho người xung quanh cùng những hỷ nộ, ưu sầu mười chín năm, khi tới hồi kết, oan nghiệt nợ nần đều đã được đền đáp thì phải tàn cuộc. Vì vậy, anh thay đổi diện mạo, khoác chiếc áo chàng màu đỏ tươi, đầu troc đi chân trần, để phiêu dạt theo con đường tu hành.



Nhân lúc tham dự kỳ thi lớn chàng đã rời khỏi thế gian, đi theo vị Thần tăng rồi biệt tăm biệt tích. Trên thực tế chính là trở về quê nhà ban đầu của mình nơi Thiên tượng.

Giáng Châu tiên tử tu thành hình người hạ phạm, không phải để gả cho Bảo Ngọc và có được một cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hãy thử tưởng tượng, nếu có một cuộc hôn nhân tốt đẹp, nàng sao có thể khóc cạn nước mắt mà về trời trở thành tiên?

Cái gọi là có tình cảm mà không thể trở thành người một nhà, hóa ra chỉ là một sự 'thanh toán' nợ nần. Những yêu thương sâu buồn phiền miên man quanh, chẳng qua chỉ là trả nợ nhau; những than thở buồn tui khóc lóc khi đêm khuya, nhất thời rung động vui buồn, chẳng qua chỉ là tự mình đa tình trong mê đại, vui vợ trong đa đoan.

Những người bị tẩy sạch ký ức như chúng ta, chính là đang tự vật lộn, lung lay trong công danh, bị khóa trong lợi và lưới tình, cũng giống như Bảo Ngọc trước kia không biết mình là ai, tại sao mình lại đến đây; không biết rằng tất cả những điều đáng tiếc của kiếp nhân sinh đều là để trả nợ trần.

Mê trong vai diễn thế tục của cuộc đời mình, theo kịch bản đã định sẵn, bạn và tôi sẽ cùng xuất hiện trên sân khấu, cùng diễn một vở kịch nơi nhân gian. Trong tình tiết vở kịch thật thật giả giả, hư hư thực thực, thật sự sẽ hiểu nhân gian là có hương của mình.

EPOCH TIMES Số 03, Tháng 08/2020

Tranh mộc bản Chiaroscuro thời Phục Hưng Ý



Tác phẩm "Martyrdom of Two Saints", khoảng 1527-1530, bởi Antonio da Trento, phỏng theo Parmigianino. Tranh in mộc bản Chiaroscuro in từ ba bản gỗ khắc màu nâu xám nhạt, nâu xám trung và đen, tinh trình i / ii, 29,21cm x 48,26cm.Quả của Ruth Cole Kainen.

LORRAINE FERRIER

Trong tiếng Ý "chiaro" là ánh sáng và "scuro" là bóng đổ, Chiaroscuro là một kỹ thuật trong hội họa, theo đó các tông màu tương phản được sử dụng để diễn tả độ sâu ba chiều, hoặc để tạo một không gian cụ thể. Từ bức tranh "Adoration of the Magi" của Leonardo da Vinci cho đến những bức tranh đầy kịch tính của Caravaggio hay trần đầy cảm xúc như tranh của Rembrandt đều sử dụng thủ pháp chiaroscuro ở một mức độ nào đó.

Tranh in mộc bản chiaroscuro Ý tạo ra ánh sáng và bóng đổ như các bức tranh thời Phục Hưng bằng cách sử dụng một loạt các bản khắc gỗ khác nhau về tông màu, kết hợp lại để tạo ra một bản in.

Không có nhiều thông tin về lịch sử tranh in mộc bản chiaroscuro Ý; nhiều bản in không đề ngày tháng chúng được làm ra hoặc ai làm ra chúng. Không có bình luận rõ ràng trong lịch sử về tranh in mộc bản chiaroscuro ngoại trừ các ghi chép về các nghệ sĩ được viết bởi các nhà viết tiểu sử đương thời, nhà sử học nghệ thuật và nghệ sĩ Giorgio Vasari (1511 -1574).

Chỉ biết rằng Ý và Đức dường như đồng thời phát triển các phiên bản in chiaroscuro của riêng họ.

Phát triển tranh mộc bản Chiaroscuro ở Ý

Tranh in mộc bản chiaroscuro Ý bắt

Vicentino (1470-1560), hoạt động vào khoảng những năm 1540, trở thành nhà sản xuất tranh in mộc bản chiaroscuro tốt nhất trong thế kỷ 16. Xưởng đã phát triển các phương pháp sản xuất hiệu quả với các bản in đặc trưng với tông màu bão hòa mạnh. Phần lớn các bản in của Vicentino là các thiết kế của Ý từ giữa những năm 1510 đến cuối những năm 1530, bao gồm cả những bản vẽ của Raphael và Parmigianino.

Vào những năm 1540, họa sĩ theo phong cách Sienese, Domenico di Pace Beccafumi (1486 - 1551) đã sử dụng các tranh in mộc bản chiaroscuro để thể hiện những cảnh án tượng, ông tình chỉnh kỹ thuật để thực hiện những thiết kế tinh xảo với ánh sáng trang nhã. Không giống như các đồng nghiệp của mình, Beccafumi đã tự thiết kế và cắt các mộc bản cho riêng mình, điều chỉnh các kỹ thuật cốt lõi của tranh in để phù hợp với trí tưởng tượng sống động và đầy nghệ thuật; ông đã sử dụng các công cụ và phương pháp cắt độc đáo, và cũng thay đổi quy trình đó một.

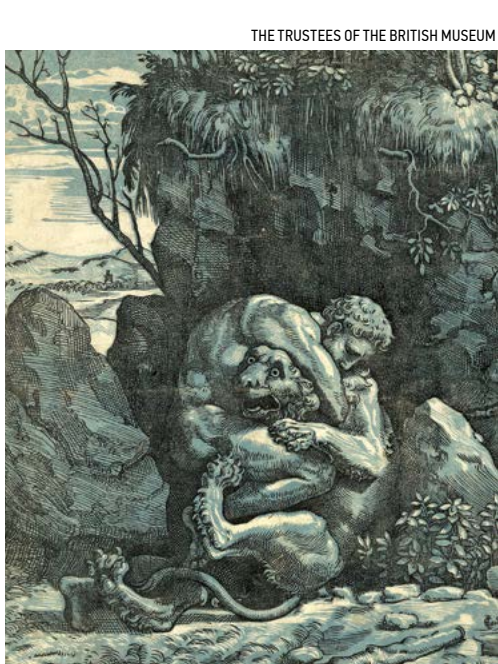
Từ những năm 1530 đến 1580, các họa sĩ và nhà in người Ý tiếp tục khám phá tranh in mộc bản chiaroscuro, cũng như sao chép các thiết kế nổi tiếng vào giữa thế kỷ XVI của các danh họa Titian, Raphael và Parmigianino. Kỹ thuật này đã được điều chỉnh phù hợp hơn khi tranh in mộc bản chiaroscuro lan rộng ra bên ngoài các trung tâm nghệ thuật chính, từ Cremona đến Naples.

Bắt đầu các tác phẩm

chiaroscuro của mình vào khoảng năm 1583, các tác phẩm hoành tráng của Andrea Andreani (khoảng 1558 - 1629) đã khiến ông trở thành người tài giỏi nhất trong thời của mình. Ví như tác phẩm "Triumph of Julius

Caesar" (Chiến thắng của Julius Caesar) (1599), phỏng theo Andrea Mantegna, được ghép từ 10 tờ với kích thước khổng lồ 36.04cm x 380.05cm. Andreani đã nâng tầm vóc tranh in mộc bản chiaroscuro bằng cách cải tiến kỹ thuật và chỉnh sửa các thiết kế để thu hút những người sành nghệ thuật và các nhà sưu tập. Thành tựu của ông nhờ việc hợp tác với các nghệ sĩ thành công đương thời, và sao chép các tác phẩm điêu khắc, phù điêu bằng đồng và các thiết kế bằng đá cẩm thạch (inlay), ngoài các chủ đề tranh in mộc bản chiaroscuro truyền thống là chỉ sao chép từ các bức vẽ.

Hàn Mặc biên dịch



"Hercules và Sư tử Nemean", khoảng 1518 bởi Ugo da Carpi, phỏng theo Raphael hoặc Giulio Romano; Tranh in mộc bản Chiaroscuro từ hai màu xanh và đen, 29,8cm x 22cm.



"Allegory of Virtue", năm 1585, bởi Andrea Andreani, phỏng theo Jacopo Ligozzi. Tranh in mộc bản Chiaroscuro được in từ bốn mộc bản màu nâu nhạt, nâu trung, nâu sẫm và đen, 48.26cm x 33.02cm.



"Eva", năm 1587, bởi Andrea Andreani, phỏng theo Domenico Beccafumi. Tranh in mộc bản Chiaroscuro được in từ bốn mộc bản màu nâu nhạt, xám nâu, nâu sẫm và đen, 46.04cm x 31.43cm.

Đài Loan – quốc gia gìn giữ những gì Trung Cộng cố tình phá hủy

TRUNG HOÀ

Phục hưng văn hoá Trung Hoa

Năm 1945, Chiến tranh Thế giới thứ 2 kết thúc, Đài Loan thoát khỏi sự thống trị thực dân. Nửa cuối thế kỷ 20 trong sự giao thoa lịch sử, Đài Loan đã trải qua quá trình dân chủ hóa chính trị và tạo nên ký tích về kinh tế, khiến cả thế giới ngưỡng mộ.

Trong những năm 60 thế kỷ 20, Trung Quốc chìm trong các cuộc vận động chính trị, đặc biệt là "Đài Cách mạng Văn hóa" đã hủy diệt nhiều di sản văn hóa, phá hủy tận gốc rễ tinh thần văn hóa Hán truyền 5,000 năm. Ngược lại Đài Loan thì tiến hành phong trào "Phục hưng văn hóa Trung Hoa", biến Đài Loan thành "nhà



Toàn cảnh Đài tưởng niệm Tưởng Giới Thạch tại Đài Bắc, Đài Loan. Khu vực này được xây dựng theo lối kiến trúc Trung Hoa truyền thống. Ý nghĩa của dòng chữ tiếng Trung trên cổng vào là "Quảng trường Tự do".

bảo tàng" lớn nhất của văn hóa Á Đông 5,000 năm. Tưởng Giới Thạch, người đứng đầu chính quyền Đài Loan, chính là người có công lớn trong việc giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống. Ông nói: "Quốc gia bị phá hủy rồi còn có thể phục hưng, còn như văn hóa bị hủy rồi thì coi như mất hết!"

Người dân Đài Loan tôn trọng bản sắc văn hóa truyền thống, đa dạng và tinh thần bao dung. Nhờ vậy đã tạo ra thành



ALL PHOTOS BY SHUTTERSTOCK

tựu phát triển kinh tế và dân chủ chính trị, khiến người dân Đài Loan tự hào sánh bước với các nước phát triển văn minh trên thế giới. Đài Loan trở thành 1 trong 4 con rồng châu Á.

Bảo tồn chữ viết truyền thống

Năm Dân Quốc thứ 38 (năm 1949), những người dân di cư mới theo Chính phủ Dân Quốc đến Đài Loan, từ nhiều tỉnh, khu vực khác nhau ở Trung Quốc, với nhiều

loại ngôn ngữ khác nhau, nhưng đại thể đều dùng tiếng quan thoại (mandarin) làm ngôn ngữ giao tiếp. Người Đài Loan gọi là Quốc ngữ, còn người Hoa kiều hải ngoại gọi là Hoa ngữ. Cùng với việc phổ cập giáo dục, tiếng quan thoại trở thành ngôn ngữ thông dụng của các sắc tộc người Đài Loan.

Ngoại ngữ phổ cập nhất ở Đài Loan là tiếng Anh, một trong các môn học quan trọng trong nền giáo dục quốc dân. Tuy nhiên, du khách nước ngoài đi taxi thì đưa địa chỉ viết bằng chữ Hán cho tài xế vẫn là bảo đảm nhất.

Chữ Hán được sử dụng ở Đài Loan là chữ phồn thể, một hệ thống chữ viết có được sử dụng trong các ghi chép văn kiến lịch sử từ thời Trung Hoa cổ đại. Nó được tạo thành bằng những bộ thủ và giữ nguyên đầy đủ số nét, mang đầy đủ nội hàm văn hóa truyền thống vốn có. Trong khi ở Trung Quốc đại lục, nhà cầm quyền đã cải biên hệ thống chữ này thành bằng cách cắt giảm đi số nét và bộ thủ của chữ chữ Hán gốc, và tạo thành chữ giản thể. Sự thay đổi này đã làm mất đi nội hàm, ý nghĩa sâu xa thậm chí cái biến hoàn toàn hàm nghĩa của chữ đó. Hệ thống chữ giản thể đã khiến người Trung Hoa thế hệ sau không thể đọc được những văn kiện lịch sử của dân tộc

họ, không thể hiểu được văn hoá truyền thống của mình. Trung Cộng đã cắt đứt sợi dây liên kết với nguời cội của người Trung Quốc.

Trong khi đó, Đài Loan lại giữ gìn và bảo lưu hệ thống chữ viết phồn thể bằng việc phát triển giáo dục Trung văn. Đài Bắc là một nơi tuyệt vời để học Trung văn vì có rất nhiều trường ngôn ngữ với các giáo trình từ cơ bản đến trình độ đại học; do đó rất nhiều người Âu Mỹ tận dụng kỳ nghỉ, dành thời gian 1, 2 năm đến Đài Loan học Trung văn.

Văn hoá tín Thần được coi trọng ở Đài Loan

Lễ kính Trời là một trong những lễ hội dân gian đặc sắc được lưu truyền lâu đời ở Đài Loan. Từ nửa đêm rạng sáng ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch, người dân Đài Loan đã nô nức cử hành lễ kính Trời. Đây là văn hóa dân gian của người Đài Loan, và cũng là một trong những ngày lễ lớn trong năm. Vào dịp này, người Đài Loan làm những món ăn ngon làm đồ cúng để kính lễ vị Thần tối cao vô thượng là Ông Trời.

Vậy "Ông Trời" là ai? Có người nói là Ngọc Hoàng Đại Đế, lại có người nói là vị Thần tối cao của Đạo giáo. Nhưng bất kể là cách nào thì đối với người dân Đài

Loan mà nói, "Ông Trời" là vị Thần tối cao vô thượng, cai quản hết thảy; do đó "Kính Trời" là lễ nghi nghiêm trang nhất, long trọng nhất trong tất cả các lễ nghi.

Yêu cầu đối với lễ "Kính Trời" rất nghiêm ngặt. Buổi tối hôm trước, cần phải bày một chiếc bàn Bát Tiên, bên trên trải vải màu. Do Ông Trời là tối cao vô thượng nên dưới bàn Bát Tiên còn phải kê 2 ghế cắm ý, gọi là "ghế Ông Trời" để đỡ và tôn cao bàn. Đồ cúng lễ Ông Trời gồm có ngũ quả, 6 món chay kèm thêm cơm và rượu và cúng cả con lợn, dê, gà trống, thường là chọn 3 loài gia súc là lợn, bò, dê, hoặc dùng gà trống để thay một trong số 3 loài gia súc trên. Ngoài ra còn cúng hoa tươi, trái cây, bánh, nhân khô, táo tàu.

Lễ Kính Trời là một tập tục lâu đời của người Mân Nam, bày tỏ lòng kính sợ đối với Ông Trời, thông qua lễ cúng thành kính để xin một năm mới mưa thuận gió hòa, bình an khỏe mạnh. Ca khúc dân ca tiếng Mân Nam "Ông Trời yêu người đồn hậu" đã miêu tả Ông Trời sẽ báo hộ những người trung hậu, thành khẩn, thật thà, cũng là bày tỏ nguyện vọng tốt đẹp của người dân Đài Loan.

Lịch sử Đài Loan tính từ khi có văn tự ghi chép là vào thời Tam Quốc (năm



Phật Quang Sơn tại Cao Hùng, Đài Loan. Nơi đây được ví như kinh đô Phật giáo của Đài Loan.

230 TCN), Ngô Vương Tôn Quyền phái một cùng lịch sử văn hóa với người Trung Quốc trong lục địa, nhưng hiện nay, về tư tưởng, văn hóa, văn minh (tức Đài Loan ngày nay).

Thái thú Đan Dương thời Đông Ngô là Thâm Oánh đã viết sách "Lâm hải thủy thổ chí", đã ghi chép tường tận tình hình cuộc sống và sản xuất của người dân Đài Loan đương thời, đó là những ghi chép sớm nhất trên thế giới về Đài Loan.

Hiện nay 83% người dân Đài Loan coi mình là người Đài Loan, chỉ có 5% coi mình là người Trung Quốc. Tại sao

lại có tình huống này? Người Đài Loan vốn cùng lịch sử văn hóa với người Trung Quốc trong lục địa, nhưng hiện nay, về tư tưởng, văn hóa, văn minh, phong cách sống và hệ thống chính trị xã hội ở hai vùng đất đã khác một trời một vực: Một bên là tự do, một bên là độc tài; một bên là dân chủ, một bên là bạo quyền; một bên là văn minh, một bên là man rợ. Người Đài Loan hiện nay đang nắm giữ văn hóa văn minh Trung Hoa, còn người Trung Quốc hiện nay giống như người bị lấy mất linh hồn, chỉ còn thể xác, vì họ đã đánh mất văn hóa của chính mình rồi.

Bí mật đằng sau ngôi chùa gỗ lâu đời nhất thế giới

ERIC BESS

Chùa Horyu-ji ở Nara-Nhật Bản là kiến trúc bằng gỗ lâu đời nhất còn tồn tại trên thế giới ngày nay. Horyu-ji là một công trình Phật giáo năm tầng có từ khoảng đầu những năm 600. Sau nhiều năm chiến tranh và phong hóa, những tường một cấu trúc bằng gỗ chỉ còn lại ở những công trình nhỏ và vuông vắn. Vậy bí mật đằng sau tòa tháp lâu đời này là gì?

Mọi chuyện bắt đầu từ Thái Tử Shotoku (574-622 sau Công Nguyên), người từng làm nhiếp chính cho Nữ Hoàng trẻ Nhật Bản Suiko. Ông đã phải các sứ giả vượt biển đến Trung Quốc để học hỏi nền văn minh giàu có và tiên tiến, gắn liền với thời kỳ hoàng kim của lịch sử Trung Quốc, thời nhà Đường.

Hiến pháp của Thái Tử Shotoku cho phép phát triển văn hóa Nhật Bản. Việc gia nhập các tư tưởng Phật gia, nghệ thuật, và kiến trúc Trung Quốc cổ đại, tất cả được thể hiện rõ nét và hoàn hảo trong kiến trúc ngôi chùa Horyu-ji. Chính hoàng tử Shotoku, với tư cách là người trị vì đầu tiên của Nhật Bản khuyến khích phát triển Phật giáo, đã đặt làm ngôi chùa, và được biết đến như cha đẻ của Phật giáo Nhật Bản.

Trong bản hiến pháp 17 điều nổi tiếng năm 604 sau CN, hoàng Tử Shoto-ku đã viết: "Độc lòng tôn kính Tam Bảo, chính là Phật - Pháp - Tăng, vì đó là nơi nương náu cuối cùng của mọi sinh vật sống. Rất ít người xấu xa đến mức không thể day được chân lý cho họ".

Ở Nhật Bản, lòng kính Thần Phật vẫn còn lại trong khi mọi thứ khác dường như đã phong hóa theo thời gian. Thật vậy, người Nhật ngày nay theo Đạo Phật nhiều hơn bất kỳ tôn giáo nào khác.

Tại sao Ngôi chùa Horyu-ji vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay?
Trên khắp thế giới, những tòa nhà gỗ cổ xưa gần như đã biến mất hoàn toàn, thường là do những đội quân viễn chinh phá hủy mọi thứ trên con đường chinh phạt, hoặc có lẽ là do thiếu bảo trì.

Một xã hội bền vững có thể tự bảo vệ khỏi quân xâm lược và tự tổ chức xã hội bằng cách bảo tồn các kho tàng văn hóa như chùa Horyu-ji. Người Nhật thời đó đã quản lý như thế nào?

Trong hiến pháp quan trọng của Thái Tử Shotoku, bên cạnh việc khuyến khích Phật Giáo, hiến pháp cũng khích lệ các giá trị của Nho Giáo, như sự hài hòa, trung thành, và phép tắc. Hầu hết những điều trong hiến pháp đều đưa ra các hướng dẫn về mặt đạo đức rõ ràng, đơn giản, và mạnh mẽ cho người dân: "Lấy hòa làm quý



Thái tử Shotoku (574 - 622 SCN), nhiếp chính vương thế kỷ thứ bảy và hai người con trai của ông. Bản sao mộc bản từ một bức tranh thế kỷ thứ tám. Tranh mực và màu trên giấy. Bộ Sưu Tập Hoàng Gia.

và tránh tranh đấu", "nghiêm cấm chấp hành lệnh bé trên", và "không được tạt dơi"

Theo hiến pháp, thiên hoàng tượng trưng cho chính phủ và nhà nước Nhật Bản, cũng giống như "Thiên thì cao hơn Địa". Một chính phủ mạnh mẽ, dưới sự hỗ trợ của những người trung thành tuyệt đối, ngăn chặn ngoại xâm, và luật pháp bảo tồn, các kho tàng văn hóa luôn được duy trì và tôn trọng.

Hơn nữa, hiến pháp của Thái Tử Shotoku không chỉ là các điều lệ cho dân thường mà còn cho quan viên như, "Trừng phạt cái ác, khuyến khích cái thiện", "quang minh chính đại mà phân xử đối với sự kiện tụng", và "Các bá quan văn võ, từ quan lớn cho đến quan nhỏ phải lấy lễ làm gốc". Đây sẽ là đất dụng võ cho những người công chính và trung thành, giúp bảo vệ chính phủ, các lãnh tụ tôn giáo, và các công trình trọng yếu trong các cuộc nổi dậy.

Hiến pháp của Thái Tử Shotoku cũng là mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển văn hóa Nhật Bản trong giai đoạn lịch sử sau đó, thời Heian (794 - 1185 sau CN), được coi là thời kỳ hoàng kim của văn hóa Nhật Bản. Đây là thời kỳ mà triều đình và nhiều triểu thần được phép phát triển một di sản phong phú gồm các nghi lễ đầy công phu, tháp nhĩ y thanh lịch (mười hai lớp áo), những áng văn đẹp như Châm Thảo Từ của Sei Shōnagon, và thể thơ mà sau này đã phát triển thành thơ Haiku. Những điều này đã trở thành một phần bản sắc dân tộc Nhật Bản; chính niềm tự hào

Ở Nhật Bản, lòng kính Thần vẫn còn lại trong khi mọi thứ khác dường như đã phong hóa theo thời gian.



Chùa Horyu-ji là ngôi chùa được xây dựng bằng gỗ lâu đời nhất thế giới.



Đền Horyu-ji (trái) và chùa Horyu-ji (phải).

khí người Nhật cảm nhận chúng và nét đạo đức tốt đẹp mà chúng đại diện đã giúp ổn định xã hội Nhật Bản.

Nhìn vào kho tàng văn hóa thời kỳ Heian và chùa Horyu-ji, chúng ta có thể thấy một kỷ quan tráng lệ và tôn nghiêm của thời cổ kính xa xưa, có thể ví đại hơn những điều mà lối tư duy hiện đại của chúng ta mong đợi. Lột đi lớp vỏ bề mặt, chúng ta thấy được dòng chảy bất nguồn trực tiếp từ các giá trị vĩnh cửu và đạo đức cao đẹp thể hiện

ở những nơi như hiến pháp của Thái Tử Shotoku.

Các điều khoản của hiến pháp có vẻ đơn giản, nhưng đó rất có thể là "phép thần thông" của họ. Đó là một tư duy đáng suy ngẫm. Liệu nền văn hóa mà chúng ta đang tạo ra ngày nay có đủ mạnh để có thể tồn tại sau 1,500 năm?

Tác giả Evan Mantyk là chủ tịch của Hiệp Hội Thi Sĩ Cổ Điển và là giáo viên dạy tiếng Anh tại Học Viện Nghệ Thuật Phi Thiên ở ngoại ô New York.

Hàn Mặc biên dịch



Bức tranh của danh họa người Ý Barocci được vẽ vào khoảng những năm 1582-1584 tại lễ đường thể hiện sự phức tạp bằng những điều đơn giản.

phạm để cứu độ người thế gian. Danh họa theo dòng Đa Minh, Fra Angelico, ưa thích sử dụng những chất liệu màu tươi sáng để diễn tả Thần linh. Ông cũng rất thích vẽ về cuộc gặp gỡ thần thánh giữa vị thiên sứ Gabriel và Đức Mẹ Maria. Ông đã thể hiện rất chân thật tâm thái vui mừng của Đức Mẹ khi nhận sứ mệnh mà Thượng Đế ban xuống. Trên hành lang tại tu viện San Macro, bức tranh hiện lên sinh động với sắc trắng và đỏ của những bông hoa trong khu vườn, nơi chứng kiến khoảnh khắc "Thiên Thần báo hỷ". Hình dáng Đức Mẹ to lớn bên căn phòng nhỏ, dường như muốn nói Bà mới thực sự là chủ nhân của toà điện thần thánh này. Maria mặc một áo khoác màu xanh - một kiểu áo truyền thống có từ thế kỷ thứ 12, bên trong mặc chiếc áo trơn, không có trang trí, thể hiện sự nghiêm cấm



PUBLIC DOMAIN

Một bức họa cũ có thể mang lại ý nghĩa gì cho chúng ta? "La Primavera", được vẽ bởi Sandro Botticelli năm 1481-1482. Màu keo trên bản gỗ, Phòng trưng bày Uffizi.

Kiệt tác ‘Primavera’ của Botticelli cái đẹp dẫn lối đến thiên thượng

ERIC BESS

Botticelli vẽ bức ‘Primavera’ vào đầu những năm 1480 để làm quà tặng cho gia tộc Medici, vốn là những người quan tâm đến các vị tượng và hình ảnh trong các văn bản Hy Lạp cổ; vì vậy bức tranh này hàm chứa những biểu tượng và hình tượng của nhiều tác giả thời cổ đại với ảnh hưởng lớn nhất là từ Ovid.

Liệu có mối quan hệ giữa một khán giả hiện đại với một bức tranh được vẽ từ hơn 500 năm trước? Đôi khi thật khó để nhận ra ý nghĩa của một nền nghệ thuật dường như đã lỗi thời trong phong cách và chủ đề. Lấy bức ‘Primavera’ (Mùa Xuân) của Sandro Botticelli làm ví dụ, những câu hỏi đặt ra cho thấy bức tranh vẫn có liên hệ và ảnh hưởng đến chúng ta ngày nay. Chẳng hạn như việc tự hỏi "cảm nhận của bản thân về những ý tưởng được thể hiện trong tranh như tình yêu, vẻ đẹp, sự trong trắng, hôn nhân, nhân văn và đạo đức" có thể giúp chúng ta tự chiêm nghiệm bản thân mình.

Hãy cùng xem từ phải sang trái để hiểu rõ hơn về các nhân vật trong tranh. Đầu tiên là Zephyrus, Thần Gió Tây, và nữ thần Chloris; sự kết hợp của họ khiến Chloris có khả năng tạo ra bông hoa từ miệng của cô và biến thành Flora, nữ thần của mùa xuân và các loài hoa. Flora rải hoa trước mặt Venus, nữ thần tình yêu và sắc đẹp, cũng là người duy hộ cho hôn nhân gia đình. Cupid, con trai của Venus và Mercury, đang bay lơ lửng bên trên mẹ mình. Cupid bị bịt mắt, tay

cắm mũi tên chỉ về phía Tam Mỹ Thân (Three Graces).

Tam Mỹ Thân thường đi cùng với Venus. Họ đại diện cho sự thuần khiết của đức hạnh, vẻ đẹp và tình yêu thường thấy trong hôn nhân. Mercury, người đưa tin của các vị thần, quay lưng lại đối với tất cả những điều đang diễn ra phía bên phải của bức tranh, như thể anh đang rời khỏi các sự kiện để bảo cáo những gì anh đã thấy với các vị thần cao hơn.

Bức tranh đã được diễn giải theo nhiều cách, nhưng phổ biến nhất chính là sự khích lệ của tình yêu và duy trì nền nghệ thuật dường như đã lỗi thời trong phong cách và chủ đề. Lấy bức ‘Primavera’ (Mùa Xuân) của Sandro Botticelli làm ví dụ, những câu hỏi đặt ra cho thấy bức tranh vẫn có liên hệ và ảnh hưởng đến chúng ta ngày nay. Chẳng hạn như việc tự hỏi "cảm nhận của bản thân về những ý tưởng được thể hiện trong tranh như tình yêu, vẻ đẹp, sự trong trắng, hôn nhân, nhân văn và đạo đức" có thể giúp chúng ta tự chiêm nghiệm bản thân mình.

Hãy cùng xem từ phải sang trái để hiểu rõ hơn về các nhân vật trong tranh. Đầu tiên là Zephyrus, Thần Gió Tây, và nữ thần Chloris; sự kết hợp của họ khiến Chloris có khả năng tạo ra bông hoa từ miệng của cô và biến thành Flora, nữ thần của mùa xuân và các loài hoa. Flora rải hoa trước mặt Venus, nữ thần tình yêu và sắc đẹp, cũng là người duy hộ cho hôn nhân gia đình. Cupid, con trai của Venus và Mercury, đang bay lơ lửng bên trên mẹ mình. Cupid bị bịt mắt, tay

đầu tiên là Zephyrus, Thần Gió Tây, và nữ thần Chloris; sự kết hợp của họ khiến Chloris có khả năng tạo ra bông hoa từ miệng của cô và biến thành Flora, nữ thần của mùa xuân và các loài hoa. Flora rải hoa trước mặt Venus, nữ thần tình yêu và sắc đẹp, cũng là người duy hộ cho hôn nhân gia đình. Cupid, con trai của Venus và Mercury, đang bay lơ lửng bên trên mẹ mình. Cupid bị bịt mắt, tay

Đôi với một số người, có một sự thật thú vị giúp mở rộng sự diễn giải cho bức tranh. Đó chính là cạnh giường ngủ của cô dâu, ‘Primavera’ thường được treo bên cạnh một bức tranh khác tên là ‘Minerva and the Centaur’. Học giả Frank Zöllner tin rằng bức tranh thứ hai, trái ngược với bức ‘Primavera’, thể hiện một người phụ nữ mạnh mẽ khuất phục và thuần hóa một nhân mã gợi cảm. Điều này nhấn nhủ cô dâu mới rằng vai trò của cô không nhất thiết chỉ là một người phục tùng. Có không chỉ đơn thuần là đối tượng chính trị trong cuộc hôn nhân này, mà có vai trò góp phần trong sự phát triển mối quan hệ tương hỗ giữa cô và chồng.

‘Primavera’ cũng có thể được diễn giải qua góc nhìn của một trong những nhà triết học nổi tiếng nhất thời Phục Hưng Ý, Marsilio Ficino. Theo nhà sử học E.H. Gombrich, Ficino có ảnh hưởng rất lớn với nhà Medicis và có thể là động lực cho sự ra đời của tác phẩm ‘Primavera’.

Ficino cho rằng việc chiêm ngưỡng cái đẹp giúp dẫn lối đến thiên thượng. Theo Gombrich, Ficino đã kết hợp triết lý của Plato với những người khác, rằng các vị thần và nữ thần của Hy Lạp cổ đại đại diện cho các nguyên tắc đạo đức được tìm thấy trong chủ nghĩa Platon thay vì sự mê đắm nhục dục mà người ta thường liên tưởng đến.

Do đó trong bức tranh ‘Primavera’, Venus không phải là nữ thần của tình yêu nhục dục, cũng không phải là đại diện của một mùa xuân ngoại đạo, mà thay vào đó đại diện cho một chủ

nghĩa nhân văn đạo đức, nhằm giáo dục những người trẻ của dòng họ Medicis.

Đôi với tôi, việc tạo ra Flora là biểu tượng của sự hòa hợp mà từ đó dẫn đến sự sáng tạo. Sự hòa hợp này là một đặc tính của tình yêu. Ở đây, vẻ đẹp ưa nhìn tự nhiên của Flora là kết quả của tình yêu và từ đó sinh ra vẻ đẹp của mùa xuân. Vẻ mặt vật chất, điều này đại diện cho các trải nghiệm thực tế về những điều đẹp đẽ. Về nghĩa bóng, nó đại diện cho sự thay đổi, hoặc là một sự nhay vọt - từ những điều thuộc về vật chất đến những điều thiêng liêng thần thánh; điều này được dẫn khởi từ sự chiêm ngưỡng những điều đẹp đẽ.

Việc nữ thần Venus xuất hiện cùng với Tam Mỹ Thân có nhiều hàm ý hơn, không chỉ là hình ảnh đại diện các vị thần và nữ thần La Mã. Họ đại diện cho tình yêu thương nhân loại, sự tu dưỡng vẻ đẹp nội tâm và sự kiểm chế những ham muốn nhục dục. Hình ảnh Mercury quay lưng lại với những quan niệm trần tục và chỉ ngón tay hướng tới những đám mây gợi ra sự kết nối với thượng đế.

Đôi với tôi, bức tranh này mô tả quá trình con người tiến gần đến các vị thần. Mỗi một giai đoạn là một khởi đầu mới, một mùa xuân hướng đến đức hạnh cao đẹp vốn xứng đáng được trân trọng như là điều thiêng liêng.

Eric Bess là một nghệ sĩ đại diện thực hành (practicing representational artist). Ông hiện đang học tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Tiền sử về Nghệ thuật Thi giáo (IDSVA).

Hàn Mặc biên dịch

“Thiên Thần báo hỷ”: Nguồn cảm hứng dồi dào cho những họa sĩ bậc thầy thời Phục Hưng

Tiếp theo từ trang 1

tất nhiên đồng ý làm Thiên nữ của Thượng Đế". "Thiên Thần báo hỷ" luôn là một nguồn cảm hứng lớn cho các nghệ thuật gia thời Phục Hưng. Trong bức tranh không chỉ có Maria và Thiên Thần, còn thường có sự xuất hiện của chim bồ câu, đại diện cho sự thiêng liêng, ám chỉ Chúa Jesus sẽ giáng trần dưới hình thức một con người bằng da bằng thịt. Thiên Thần sẽ cầm trên tay một nhánh bách hội, tượng trưng cho sự trinh khiết của Maria. Maria thì cầm một cuốn sách, tượng trưng cho lời dự ngôn được viết trong "Cựu Ước" về việc "xuất hiện một người phụ nữ hạ sinh con trai" đã ứng nghiệm. Có bức tranh còn lấy hình ảnh Adam và Eva trong vườn cấm làm bối cảnh, tượng trưng cho sự bại hoại của nhân loại và Giấc Giã sẽ hạ



Bức tranh của danh họa người Ý Barocci được vẽ vào khoảng những năm 1582-1584 tại lễ đường thể hiện sự phức tạp bằng những điều đơn giản.

phạm để cứu độ người thế gian. Danh họa theo dòng Đa Minh, Fra Angelico, ưa thích sử dụng những chất liệu màu tươi sáng để diễn tả Thần linh. Ông cũng rất thích vẽ về cuộc gặp gỡ thần thánh giữa vị thiên sứ Gabriel và Đức Mẹ Maria. Ông đã thể hiện rất chân thật tâm thái vui mừng của Đức Mẹ khi nhận sứ mệnh mà Thượng Đế ban xuống. Trên hành lang tại tu viện San Macro, bức tranh hiện lên sinh động với sắc trắng và đỏ của những bông hoa trong khu vườn, nơi chứng kiến khoảnh khắc "Thiên Thần báo hỷ". Hình dáng Đức Mẹ to lớn bên căn phòng nhỏ, dường như muốn nói Bà mới thực sự là chủ nhân của toà điện thần thánh này. Maria mặc một áo khoác màu xanh - một kiểu áo truyền thống có từ thế kỷ thứ 12, bên trong mặc chiếc áo trơn, không có trang trí, thể hiện sự nghiêm cấm

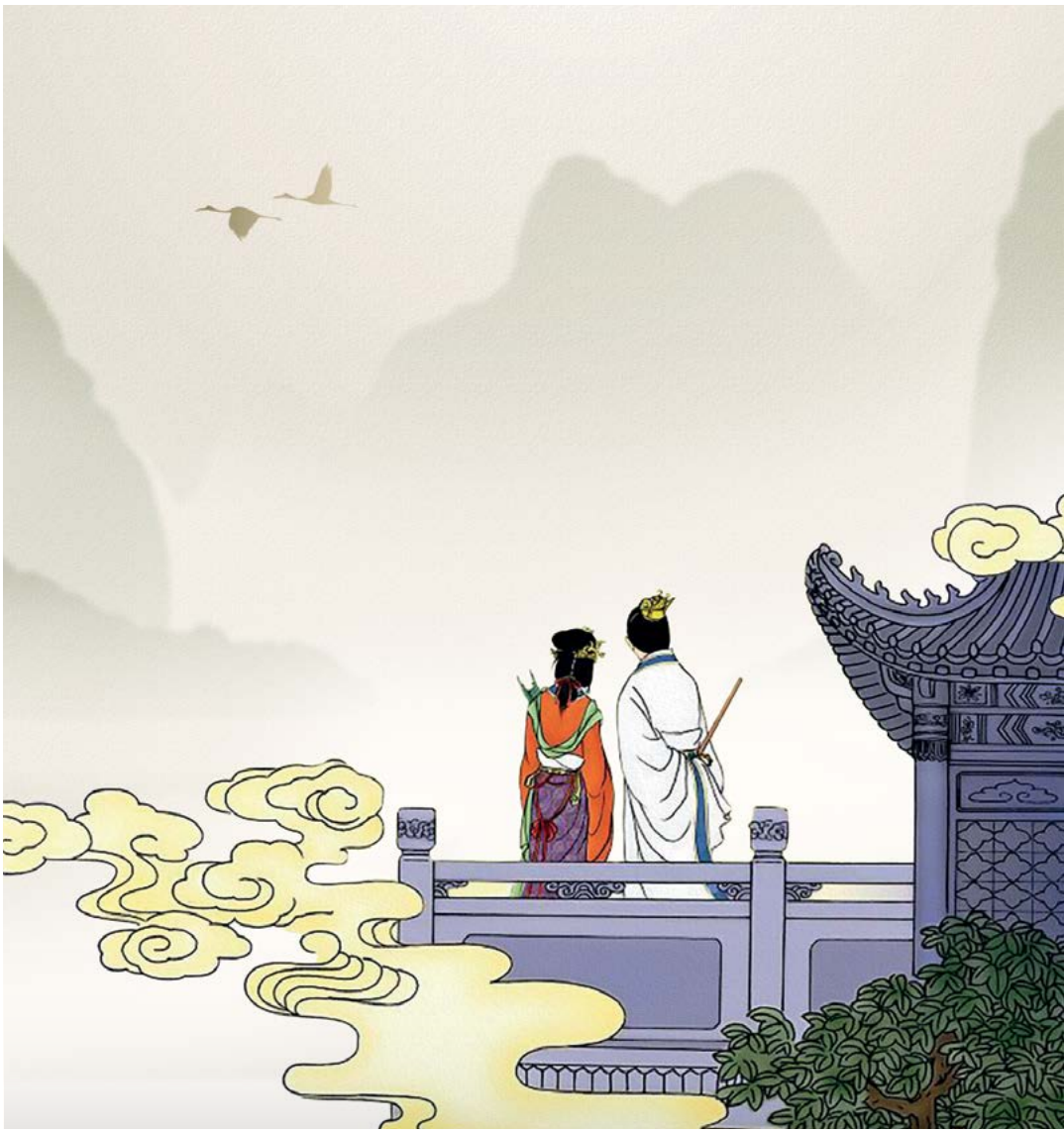
trong lối ăn mặc của Bà. Trong các bức họa cùng chủ đề, thông thường áo Maria mặc là màu khói tím, khoác ngoài chiếc áo dài màu đỏ, là màu sắc biểu thị cho sự bi thương. Fra còn vẽ áo của Thiên Thần màu hồng, thể hiện niềm vui trọn vẹn của Thiên Đàng trong giây phút ân phúc này. Còn bức tranh của danh họa người Ý Barocci được vẽ vào khoảng những năm 1582-1584 tại lễ đường lại thể hiện sự phức tạp bằng những điều đơn giản. Chính là thông qua thế tay của thiên sứ và Maria, cùng nụ cười điểm đậm của Bà, trong một góc có một chú mèo nằm ngù... khiến một cảnh tượng thần thánh bỗng chốc hoà lẫn với sự bình dị đời thường; khiến người xem cảm giác được tính chân thực và gần gũi của bức tranh. Hoà ra một sự việc

kỷ diệu như thế lại có thể chân thực xuất hiện trong cuộc sống đời thường chúng ta. Họa sĩ Leonardo Da Vinci cũng đã sáng tác tác phẩm "Lễ truyền tin" vào khoảng những năm 1472-1473. Ông sử dụng bút pháp tưởng tượng thể hiện biểu cảm của nhân vật, đồng thời màu sắc được vẽ lên cũng vô cùng tinh tế. Kiến trúc đồ sộ phía sau Đức Mẹ cùng với chiếc kỷ án được chạm khắc tỉ mỉ nói lên không khí thần thánh trang nghiêm của cuộc gặp gỡ. Thành công lớn nhất của bức tranh, ẩn giấu ở vẻ đẹp cũng như cái "động" trong chuyển động của Thiên Thần. Chiếc đuôi váy dài màu đỏ đậm đang quét trên nền đất, dường như cho thấy thái độ nghiêm túc, trân trọng sự kiện này của vị Thiên Thần. Việc Chúa Jesus hạ phạm cứu thế, đó là việc vĩ đại và thần thánh tới nhường nào!



ALL PHOTOS IN PUBLIC DOMAIN

Bức "Truyền tin" của họa sĩ Fra Angelico (khoảng năm 1395 -1455).



Thanh hương nhĩ cú (Phần 2/7): Đạo nghĩa vợ chồng trong văn hoá truyền thống

TRÚC LÂM

Trong văn hóa Á Đông mối quan hệ giữa con cái cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, bạn bè và vua tôi luôn được xem là cực kỳ quan trọng. Người xưa vẫn thường có câu: “Phu nghĩa phụ thuận, phụ tử tử hiếu, huynh hữu đệ cung, bằng hữu hữu tín, quân nhân thần trung” (Chồng nghĩa vợ thuận, cha từ con hiếu, anh em tương kính, bạn bè có tín, quân vương nhân ái quần thần trung). Vậy vì sao chúng lại quan trọng đến vậy?

Kỳ thực đối với mỗi người, không ai có thể tồn tại mà không cần sự giúp đỡ của mọi người xung quanh. Và người thân lại càng hơn thế, người ta thường nói: “Một hàng rào phải có ba cái cọc, một hảo hán

phải có ba người giúp đỡ”. Sự giúp đỡ của bạn bè đồng nghiệp trên thực tế cũng bắt đầu từ sự tương trợ trong gia đình, từ cha mẹ, vợ chồng và anh chị em với nhau. Vậy họ đã tương trợ với nhau như thế nào? Ở phần thứ hai này chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu về đạo nghĩa vợ chồng trong năm mối quan hệ kể trên dưới góc độ của văn hoá truyền thống.

Tất cả các mối quan hệ trong xã hội đều bắt nguồn từ vợ chồng, bởi lẽ “Nam nữ có khác biệt, nhưng vợ chồng lại có nghĩa; Vợ chồng có nghĩa, thì cha con có thân; Cha con có thân, thì quân thần có chính. Hôn lễ thời xưa ấy, là lấy lễ làm căn bản”. (Trích: Sử Ký). Cũng chính là nói bởi vì nam nữ là khác nhau, vậy nên mới có phân công, mỗi người đều có trách nhiệm riêng của mình; từ đó mới hình thành nên đạo nghĩa vợ chồng, đặt ra chuẩn tắc đạo đức cho thế nhân; sau đó cha

con mới có thể thương yêu hiếu kính; quân thần mới có thể giữ vững địa vị. Cũng là nói “hôn lễ” thì căn lấy “lễ” làm căn bản; mối quan hệ giữa vợ và chồng cũng chính là khởi nguyên của các mối quan hệ khác trong xã hội. Bài thơ Đào Yếu trong tập *Thi Kinh* cũng mô tả về việc người con gái xuất giá rằng:

Đào chi yêu yêu
Chước chước kỳ hoa
Chi tử vu quy
Nghĩ kỳ thất gia

Tạm dịch:

Đào tơ mơn mớn xinh tươi
Hoa hồng đơm đặc dưới trời
xuân trong
Hôm nay nàng đã theo chồng
Nên bề gia thất ấm nồng thuận vui
(Bản dịch của Tạ Quang Phát)

Bài thơ toát lên được hình ảnh người con gái trẻ khi xuất giá ngắm nhìn hoa đào nở rộ, phảng phất hình ảnh chính mình trong cái vẻ đẹp mỹ miều đó, gả vào nhà chồng hy vọng sẽ đem đến hạnh phúc và thịnh vượng cho gia đình họ.

Thời xưa con gái về nhà chồng được gọi là “quy”. Theo sách *Chu lễ*, tiết tháng trọng xuân (tháng hai) nam nữ hội hợp mà lấy nhau thành vợ thành chồng, thì lễ cây đào trở hoa là mùa hôn nhân vậy. Vợ chồng trong văn hoá truyền thống Á Đông giảng về “tương kính như tân” (kính lễ nhau như khách), vợ chồng hòa hợp, như trống và đàn tranh; người ta cũng thường ví sự dung hợp giữa vợ chồng như tiếng đàn tranh và tiếng chim hót.

Làm một người chồng thì cần giảng về đạo nghĩa, ân nghĩa, tình nghĩa; làm một người nữ thì giảng về hoà thuận và nhu thuận. Trong cuốn *Nữ Giới* cũng đã viết: “Phu bất hiên, tặc vô dĩ ngữ phụ; phụ bất hiên, tặc vô dĩ sự phu”. Nghĩa là nếu như người chồng không đủ hiền đức thì không thể lịch sự lễ tiết đối đãi với vợ, không cách nào khiến người vợ biết tôn trọng thương yêu; còn nếu người vợ không đủ hiền đức thì sẽ không thể chăm sóc tốt được cho người chồng.

Vì vậy chồng vợ cũng như trời với đất, một dương một âm, hòa hợp tương hỗ. Những câu chuyện về tình nghĩa giữa vợ chồng vẫn luôn được lưu truyền hàng ngàn năm nay trong kho tàng văn hoá lịch sử. Ví như Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành, gảy đàn, chơi cờ, vẽ tranh tâm đầu ý hợp; Tô Thức vì để tưởng niệm người vợ đã tạ thế liền chấp bút sáng tác một bài thơ tựa đề *Giang Thành Từ* khiến bao người cảm thán:

Thập niên sinh tử lưỡng mang mang
Bất tư lưỡng, tự nan vương
Thiên lý cô phẫn
Vô xứ thoại thê lương

Túng sử tương phùng ưng bất thức,
trần mẫn diện
Mấn như sương
Dạ lai u mộng hốt hoàn hương
Tiểu hiên song
Chính sơ trang
Tương cố vô ngôn
Duy hữu lệ thiên hàng
Liệu đắc niên niên trường đoạn xứ
Mình nguyện dạ
Đoản tòng cương

Tạm dịch:

Mười năm sinh tử đôi nơi
Tuy không nghĩ đến, chẳng thôi nhớ nàng
Mở cửa quạnh, cách dặm ngàn
Nơi nào bày tỏ tâm tình thê lương
Gặp nhau còn nhận ra không?
Phong trần sắc mặt, tóc sương pha mầu
Về quê trong mộng đêm thâu
Nàng bên song cửa chái đầu điểm trang
Nhìn nhau chẳng nói
Lệ ứa muôn hàng
Năm lại năm, chốn đoạn trường
Đôi thông, gốc mộ, trăng ngàn lạnh soi...
(Bản dịch của Vương Thanh)

Bài thơ đọng đầy tình nghĩa sâu đậm của Tô Thức đối với thê tử, trăm ngàn năm sau vẫn được người đời ca tụng.



Tranh vẽ Tô Thức hay Tô Đông Pha, là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc thời Tống.

Tại xã hội hiện đại cũng có không ít những câu chuyện như vậy. Sau khi thê tử Mao Mỹ Đường của Nhiều Bình Như qua đời, ông đã vẽ hơn 300 bức họa, bắt đầu từ khi hai người quen nhau, mãi cho đến tận lúc vợ ông tạ thế. Nhiều Bình Như đã vẽ rất nhiều bức tranh về cuộc sống thường nhật giản đơn của họ khiến bao người rơi lệ. Về sau những bức họa này được chỉnh lý thành sách với tựa đề “Bình Như Mỹ Đường - Câu chuyện của hai chúng tôi”; từ đó về sau người ta gọi tình nghĩa vợ chồng như “Chấp tử chi thủ dữ từ giai lão” (Nắm tay bạn, tới bạc đầu) (Trích *Thi Kinh*).

Vậy nên trong văn hoá truyền thống, để hôn nhân thuận hòa, vợ chồng êm ấm, gia đình hạnh phúc thì cốt lõi là hai vợ chồng cần làm được “Đạo”, tiếp sau đến “Nghĩa”.

EPOCH
TIMES
TIẾNG VIỆT

www.etviet.com

CHÚNG TÔI ĐƯA
NHỮNG TIN TỨC
QUAN TRỌNG,
TRUNG THỰC VÀ
TRUYỀN THỐNG



EPOCH TIMES TIENG VIET

3 EASY WAYS TO SUBSCRIBE/Có thể đặt báo qua:

ONLINE: www.etviet.com

BY PHONE/Call:

(626) 618-6168
(714) 356-8899

BY MAIL :

Fill out the form to the right
and mail it to / Xin điền mẫu
bên cạnh và gửi đến:

Epoch Times Tieng Viet
10962 Main Street, Ste 101,
El Monte, CA 91731

Weekly print paper to your
home / Một tờ báo sẽ được
giao tận nhà mỗi tuần.

All subscriptions will continue
until you request to cancel /
Báo vẫn tiếp tục giao cho tới
khi khách hàng yêu cầu ngưng.

Yes, I'd like to subscribe for/Vâng, tôi muốn đặt báo:

☐ Normal delivery/Gửi thường (khoảng 6-7 ngày sẽ nhận được báo)
☐ 6 months for \$59 ☐ 12 months for \$104

☐ Fast delivery/Gửi nhanh (khoảng 2-4 ngày sẽ nhận được báo)
☐ 3 months for \$45 ☐ 6 months for \$89 ☐ 12 months for \$175

NAME/Tên _____

PHONE/Số phone _____

ADDRESS/Địa chỉ _____

CITY/Thành phố _____

STATE/Tiểu bang _____ ZIP/Mã vùng _____

EMAIL _____

☐ PAY BY CHECK/Trả bằng chi phiếu
(Payable to /Trả cho: Epoch Times Tieng Viet)

☐ USE MY CREDIT CARD/Dùng thẻ tín dụng
☐ VISA ☐ MasterCard ☐ Discover

Card number/Số thẻ: _____ Exp.date/Ngày hết hạn: _____

Signature/Chữ ký: _____ CVC # (REQUIRED) /Số CVC (bắt buộc): _____